

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO HỆ CAO HỌC NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Ban hành kèm theo quyết định số 249/QĐ-ĐHPT của Hiệu trưởng trường Đại học  
Phan Thiết ngày 30 tháng 12 năm 2016.

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1. THÔNG TIN CHUNG

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ.
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh.
- Chuyên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh.
- Mã số: 60340102.
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng.
- Khối lượng kiến thức: 60 tín chỉ.
- Thời gian đào tạo: 2 năm.
- Quyết định ban hành: Quyết định số 249/QĐ-ĐHPT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Phan Thiết.

## 2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được xây dựng theo định hướng ứng dụng, giúp đỡ người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các đề án, dự án, công trình trong các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào các công việc phức tạp tại nơi làm việc, phù hợp với điều kiện thực tế tài cơ quan, tổ chức hay đơn vị kinh doanh; có khả năng làm việc một mình hay trong bất kỳ nhóm nào, và có khả năng giao tiếp, đối thoại và thương lượng với bất kỳ ai và có thái độ ứng xử phù hợp trong mọi tình huống và có đạo đức trong kinh doanh.

## 3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

### *A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành*

#### *A.1. Kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học Tự nhiên, Xã hội và Nhân văn*

- Có phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề kinh tế, kinh doanh.
- Có kiến thức Toán, Khoa học tự nhiên để ứng dụng nghiên cứu, giải quyết vấn đề của tổ chức

- Có kiến thức Khoa học xã hội và Nhân văn để ứng dụng giải quyết các vấn đề của tổ chức

#### *A.2. Kiến thức cơ sở trong lĩnh vực kinh tế*

- Có kiến thức cơ bản về lý thuyết kinh tế cả vi mô, cả vĩ mô và quản lý
- Có kiến thức tài chính và kế toán để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý.
- Có khả năng hiểu và hệ thống hóa kiến thức cơ bản trong kinh tế và kinh doanh

#### *A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh*

- Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.
- Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để phân biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

### ***B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân***

#### *B.1. Kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phân biện và giải quyết vấn đề*

- Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh
- Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp
- Có khả năng tổ chức thực hiện các phương án, dự án kinh doanh.
- Có khả năng quản lý kế hoạch hoạt động, công việc cụ thể trong kinh doanh

#### *B.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh*

- Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh.
- Có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh
- Có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh

- Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh

### *B.3. Tư duy có hệ thống*

- Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

### *B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp*

- Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, trung thực và làm việc có trách nhiệm
- Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết phát sinh
- Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

### *B.5. Kỹ năng và thái độ cá nhân*

- Chủ động và sẵn sàng chấp nhận rủi ro trong kinh doanh
- Có tính kiên trì và linh hoạt trong giải quyết vấn đề kinh doanh
- Có khả năng nhận thức về đặc điểm, tính cách và kiến thức của mình
- Có khả năng quản lý các nguồn lực và thời gian

## ***C. Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm***

### *C.1. Kỹ năng giao tiếp và thiết lập mối quan hệ*

- Có khả năng thiết lập chiến lược giao tiếp trong bối cảnh toàn cầu
- Có khả năng thiết lập một cấu trúc giao tiếp hiệu quả với đối tác
- Có khả năng trình bày hiệu quả vấn đề hay ý tưởng trước cộng đồng
- Có khả năng nghe với tư duy phản biện.
- Có khả năng giao tiếp bằng văn bản và giao tiếp đa phương tiện

### *C.2. Kỹ năng làm việc nhóm*

- Có khả năng hình thành nhóm làm việc độc lập
- Có khả năng tổ chức hoạt động nhóm đạt được mục tiêu

- Có khả năng phát triển nhóm
- Có kỹ năng phối hợp làm việc nhóm

### *C.3. Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ*

- Có khả năng Giao tiếp văn bản hiệu quả bằng tiếng Anh (B1).
- Có khả năng giao tiếp đa phương tiện hiệu quả bằng tiếng Anh (B1).
- Có khả năng giao tiếp bằng một ngôn ngữ khác

## ***D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp***

### *D.1. Phẩm chất cá nhân trong bối cảnh xã hội*

- Nhận thức được vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị trước cộng đồng
- Nhận thức được những kiến thức về pháp luật, lịch sử và văn hóa
- Nhận thức được những lợi ích trong kinh doanh mang lại cho xã hội
- Nhận thức được vấn đề mang tính thời sự
- Có khả năng phát triển viễn cảnh toàn cầu

### *D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp*

- Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

### *D.3. Khả năng học suốt đời*

- Có ý thức tham gia vào các hoạt động rèn luyện sức khỏe, trí tuệ và tinh thần
- Có khả năng tự học hỏi và cập nhật kiến thức mới vào kinh doanh
- Có khả năng xây dựng mục tiêu cá nhân với sự phát triển nghề nghiệp
- Có khả năng vận dụng các phương pháp, các công cụ để tự nghiên cứu
- Có khả năng nắm bắt và vận dụng công nghệ mới đáp ứng mục tiêu nghề nghiệp

*E. Ma trận chuẩn đầu ra, mức độ đáp ứng của môn học*

STT	MÔN HỌC	KIẾN THỨC CƠ BẢN, LẬP LUẬN NGÀNH			KỸ NĂNG CHUYÊN MÔN, TỐ CHẤT CÁ NHÂN					KỸ NĂNG GIAO TIẾP, LÀM VIỆC NHÓM			PHẨM CHẤT, ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP		
		A.1	A.2	A.3	B.1	B.2	B.3	B.4	B.5	C.1	C.2	C.3	D.1	D.2	D.3
1.	<a href="#">Triết học</a>	x	x												x
2.	<a href="#">Tiếng anh</a>									x	x	x	x	x	x
3.	<a href="#">Kinh tế học quản lý</a>		x	x		x	x	x						x	
4.	<a href="#">Quản trị tài chính</a>			x	x	x	x	x						x	
5.	<a href="#">Hành vi tổ chức</a>			x	x	x	x	x						x	
6.	<a href="#">Kế toán quản trị</a>		x	x		x	x	x						x	
7.	<a href="#">Quản trị kinh doanh quốc tế</a>			x	x	x	x	x						x	
8.	<a href="#">Quản trị nguồn nhân lực</a>			x	x	x	x	x						x	
9.	<a href="#">Quản trị sản xuất</a>			x	x	x	x	x						x	
10.	<a href="#">Quản trị dự án</a>			x	x	x	x	x						x	
11.	<a href="#">Quản trị marketing</a>			x	x	x	x	x						x	
12.	<a href="#">Quản trị chuỗi cung ứng</a>			x	x	x	x	x						x	
13.	<a href="#">Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh</a>	x	x	x			x	x						x	
14.	<a href="#">Quản trị chiến lược</a>			x	x	x	x	x						x	
15.	<a href="#">Phân tích định lượng trong kinh doanh</a>		x	x			x	x						x	
16.	<a href="#">Nghiên cứu marketing</a>			x	x	x	x	x						x	
17.	<a href="#">Luật kinh tế</a>	x		x			x							x	
18.	<a href="#">Quản trị học</a>			x	x	x	x	x						x	
19.	<a href="#">Quản trị sự thay đổi</a>			x	x	x	x	x						x	
20.	<a href="#">Quản trị rủi ro</a>			x	x	x	x	x						x	
21.	<a href="#">Quản trị chất lượng</a>			x	x	x	x	x						x	
22.	<a href="#">Quản trị thương hiệu</a>			x	x	x	x	x						x	

#### 4. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc của chương trình có 60 tín chỉ gồm các môn kiến thức chung: 7 tín chỉ (TC), chiếm 11,67% chương trình đào tạo; các môn cơ sở và chuyên ngành: 45 TC, chiếm 75% chương trình đào tạo. Trong đó phần kiến thức bắt buộc là 24 TC, chiếm 40% và phần tự chọn là 21 TC, chiếm 35% chương trình đào tạo. Luận văn thạc sĩ: 8TC, chiếm 13,33% chương trình đào tạo.

#### 5. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận
<b>Phần 1. Kiến thức chung</b>			<b>7</b>		
1	M151603001	Triết học	4		
2	M151603002	Anh văn	3		
<b>Phần 2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>			<b>45</b>		
<b>I</b>	<b>Các học phần cơ sở bắt buộc</b>		<b>9</b>		
3	M151603013	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	3	2	1
4	M151603004	Quản trị tài chính	3	2	1
5	M151603006	Kế toán quản trị	3	2	1
<b>II</b>	<b>Các học phần cơ sở tự chọn</b>		<b>6</b>		
6	M151603015	Kinh tế lượng	3	2	1
7	M151603017	Luật kinh tế	3	2	1
8	M151603003	Kinh tế học quản lý	3	2	1
9	M151603018	Quản trị học	3	2	1
<b>III</b>	<b>Các học phần chuyên ngành bắt buộc</b>		<b>15</b>		
10	M151603014	Quản trị chiến lược	3	2	1
11	M151603008	Quản trị nguồn nhân lực	3	2	1
12	M151603009	Quản trị sản xuất	3	2	1



13	M151603010	Quản trị dự án	3	2	1
14	M151603012	Quản trị chuỗi cung ứng	3	2	1
<b>IV</b>	<b><i>Các học phần chuyên ngành tự chọn</i></b>		<b>15</b>		
15	M151603019	Quản trị sự thay đổi	3	2	1
16	M151603020	Quản trị rủi ro	3	2	1
17	M151603016	Nghiên cứu Marketing	3	2	1
18	M151603007	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	2	1
19	M151603021	Quản trị chất lượng	3	2	1
20	M151603022	Quản trị thương hiệu	3	2	1
21	M151603011	Quản trị Marketing	3	2	1
22	M151603005	Hành vi tổ chức	3	2	1
<b>Phần 3. Luận văn</b>			<b>8</b>		
<b>Tổng cộng</b>			<b>60</b>		

**6. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY**

<b>Stt</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Môn học</b>	<b>Số tín chỉ</b>
<b>Học kỳ I</b>			<b>16</b>
1	M151603001	Triết học	4
2	M151604002	Tiếng Anh	3
3	M151603004	Quản trị tài chính	3
4	M151603006	Kế toán quản trị	3
5	M151603015	Kinh tế lượng	3
<b>Học kỳ II</b>			<b>18</b>
6	M151603014	Quản trị chiến lược	3
7	M151603008	Quản trị nguồn nhân lực	3
8	M151603009	Quản trị sản xuất	3
9	M151603010	Quản trị dự án	3
10	M151603012	Quản trị chuỗi cung ứng	3
11		Môn tự chọn cơ sở 1	3
<b>Học kỳ III</b>			<b>18</b>
12	M151603013	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	3
13		Môn tự chọn chuyên ngành 1	3
14		Môn tự chọn chuyên ngành 2	3
15		Môn tự chọn chuyên ngành 3	3
16		Môn tự chọn chuyên ngành 4	3
17		Môn tự chọn chuyên ngành 5	3
<b>Học kỳ IV</b>			<b>8</b>
18		Luận văn tốt nghiệp	8
<b>Tổng cộng chương trình</b>			<b>60</b>

**7. PHÂN CÔNG GIẢNG VIÊN**

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	
1	M151603001	Triết học	TS	Võ Thị Dung
			PGS TS	Vũ Tình
2	M151604002	Tiếng anh	TS	Lý Thị Thu Thủy
			Th.S	Trương Thị Hòa
3	M151603013	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	TS	Lê Hùng
			TSKH	Phan Văn Nhiệm
			PGS.TS	Nguyễn Minh Đức
4	M151603004	Quản trị tài chính	PGS.TS	Lê Hùng Sơn
			TS	Phạm Thị Phụng
			TS	Nguyễn Văn Tân
5	M151603006	Kế toán quản trị	TS	Hoàng Đức Long
			PGS.TS	Võ Khắc Thương
6	M151603015	Kinh tế lượng	PGS.TS	Nguyễn Minh Đức
			TSKH	Phan Văn Nhiệm
7	M151603017	Luật kinh tế	TS	Phạm Văn Chắt
			GS. TS	Nguyễn Văn Tài
8	M151603003	Kinh tế học quản lý	TS	Võ Quang Vinh
			PGS.TS	Nguyễn Minh Đức
			TS	Bảo Trung
9	M151603018	Quản trị học	TS	Ngô Bình Chung
			TS	Đình Bá Hùng Anh
			TS	Lý Minh Chiêu

10	M151603014	Quản trị chiến lược	PGS. TS	Nguyễn Phúc Khanh
			TS	Trần Khải Thành
11	M151603008	Quản trị nguồn nhân lực	GS.TS	Nguyễn Văn Tài
			TS	Trần Khải Thành
			TS	Võ Thị Thu Hồng
12	M151603009	Quản trị sản xuất	TS	Trần Khải Thành
			PGS.TS	Đồng Thị Thanh Phương
			TS	Đình Bá Hùng Anh
13	M151603010	Quản trị dự án	TS	Vũ Nhữ Thăng
			TS	Phạm Thị Phụng
14	M151603012	Quản trị chuỗi cung ứng	PGS.TS	Nguyễn Trung Văn
			TSKH	Phan Văn Nhiệm
15	M151603019	Quản trị sự thay đổi	PGS. TS	Nguyễn Xuân Minh
			TS	Phùng Văn Tiến
16	M151603020	Quản trị rủi ro	TS	Nguyễn Văn Trãi
			TS	Phùng Văn Tiến
17	M151603016	Nghiên cứu Marketing	TS	Lý Minh Chiêu
			TS	Trần Khải Thành
18	M151603007	Quản trị kinh doanh quốc tế	PGS.TS	Đồng Thị Thanh Phương
			GS.TS	Nguyễn Văn Tài
			TS	Võ Thị Thu Hồng
19	M151603021	Quản trị chất lượng	TS	Đình Bá Hùng Anh
			TS	Mai Thanh Loan
20	M151603022	Quản trị thương hiệu	TS	Lê Việt Long

			TS	Nguyễn Hoàng Tiến
			TS	Nguyễn Văn Trãi
21	M151603011	Quản trị marketing	TS	Mai Thanh Loan
			TS	Võ Quang Vinh
22	M151603005	Hành vi tổ chức	TS	Bảo Trung
			TS	Phùng Văn Tiến

## 8. CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO

Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo từ các trường đại học uy tín sau đây:

- + Đại học Kinh tế Luật,
- + Đại học Nha Trang,
- + Đại học Victoria, New Zealand.

## BẢNG SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH TRONG NƯỚC

STT	ĐẠI HỌC PHAN THIẾT			ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT			ĐẠI HỌC NHA TRANG		
	Tên môn học	BB	TC	Tên môn học	BB	TC	Tên môn học	BB	TC
<b>PHẦN I. KIẾN THỨC CHUNG</b>									
1.	Triết học	4		Triết học		BB	Triết học	4	
2.	Tiếng Anh	3		Ngoại ngữ		BB	Tiếng Anh	8	
3.							<i>Khoa học quản lý</i>		2
4.							<i>Thống kê ứng dụng</i>		2
5.							<i>Luật kinh tế</i>		2
<b>PHẦN II. KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH</b>									
6.	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3		Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh doanh	3		Kinh tế vi mô nâng cao	2	
7.	Quản trị tài chính	3		Kinh tế học quản lý	3		Kinh tế vĩ mô nâng cao	2	
8.	Kế toán quản trị	3		Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	3		Quản trị tài chính	3	
9.	<i>Phân tích định lượng trong kinh doanh</i>		3	<i>Các lý thuyết quản trị hiện đại</i>		3	Quản trị chiến lược	3	
10.	<i>Luật kinh tế</i>		3	<i>Kế toán quản trị</i>		3	Quản trị nguồn nhân lực	2	
11.	<i>Kinh tế học quản lý</i>		3	Quản trị tài chính	3		Quản trị marketing	3	
12.	Quản trị học nâng cao		3	Quản trị tài sản trí tuệ	3		Nghệ thuật lãnh đạo	2	

13.	Quản trị chiến lược	3		Nghệ thuật lãnh đạo	3		Quản trị sản xuất	2	
14.	Quản trị nguồn nhân lực	3		Quản trị chiến lược	3		<i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh</i>		TC
15.	Quản trị sản xuất	3		Quản trị marketing		3	<i>Quản trị công nghệ và đổi mới</i>		TC
16.	Quản trị dự án	3		<i>Văn hóa kinh doanh</i>		3	<i>Đạo đức trong kinh doanh</i>		TC
17.	Quản trị chuỗi cung ứng	3		<i>Hành vi tổ chức</i>		3	<i>Quản trị sự thay đổi</i>		TC
18.	<i>Quản trị sự thay đổi</i>		3	<i>Pháp luật về hợp đồng</i>		3	<i>Hành vi tổ chức</i>		TC
19.	<i>Quản trị rủi ro</i>		3	<i>Pháp luật về thương mại</i>		3	<i>Kế toán quản trị</i>		TC
20.	<i>Nghiên cứu marketing</i>		3				<i>Phân tích và đánh giá dự án</i>		TC
21.	<i>Quản trị kinh doanh quốc tế</i>		3				<i>Luật thương mại quốc tế</i>		TC
22.	<i>Quản trị chất lượng</i>		3				<i>Quản trị kinh doanh quốc tế</i>		TC
23.	<i>Quản trị thương hiệu</i>		3				<i>Quản trị thương hiệu</i>		TC
24.	<i>Quản trị marketing</i>		3				<i>Quản trị chuỗi cung ứng</i>		TC
25.	<i>Hành vi tổ chức</i>		3						
<b>PHẦN IV. LUẬN VĂN</b>									
26.	Luận văn	BB		Luận văn		BB	Luận văn		BB

**BẢNG SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH QUỐC TẾ**

STT	ĐẠI HỌC PHAN THIẾT			ĐẠI HỌC VICTORIA – NEWZEALAND		
	Tên môn học	BB	TC	Tên môn học	BB	TC
<b>PHẦN I. KIẾN THỨC CHUNG</b>						
1.	Triết học	4		Business law		
2.	Tiếng Anh	3		Economics, Organisation and Markets	3	
3.				Organisational Behaviour	3	
4.				Information Systems and Data Analytics	3	
5.				Problem-solving and Decision-making	3	
6.				Accounting for Managers	3	
<b>PHẦN II. KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH</b>						
7.	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3		Corporate Finance	3	
8.	<b>Quản trị tài chính</b>	3		Marketing Management	3	
9.	<b>Kế toán quản trị</b>	3		Human Resource Management	3	
10.	<i>Phân tích định lượng trong kinh doanh</i>		3	Operations and Supply-chain Management	3	
11.	<i>Luật kinh tế</i>		3	Strategic Management	3	
12.	<i>Kinh tế học quản lý</i>		3	Leading Change	3	
13.	Quản trị học nâng cao		3	Innovation and Entrepreneurship	3	



14.	<b>Quản trị chiến lược</b>	3		<i>Advanced Strategic Management</i>		3
15.	<b>Quản trị nguồn nhân lực</b>	3		<i>Creative Leadership</i>		3
16.	Quản trị sản xuất	3		<i>System Thinking and Creative Problem-solving</i>		3
17.	<b>Quản trị dự án</b>	3		<b><i>Project Management</i></b>		3
18.	<b>Quản trị chuỗi cung ứng</b>	3		<i>Marketing Communication</i>		3
19.	<b><i>Quản trị sự thay đổi</i></b>		3	<i>Financial Statement Analysis</i>		3
20.	<i>Quản trị rủi ro</i>		3	<b><i>International Business</i></b>		3
21.	<i>Nghiên cứu marketing</i>		3	<i>Strategic/International Human Resource Management</i>		3
22.	<b><i>Quản trị kinh doanh quốc tế</i></b>		3	<i>Managing Employment Relations</i>		3
23.	<i>Quản trị chất lượng</i>		3	<i>Negotiations: Strategy and Process</i>		3
24.	<i>Quản trị thương hiệu</i>		3			
25.	<b><i>Quản trị marketing</i></b>		3			
26.	<b><i>Hành vi tổ chức</i></b>		3			
	<b>PHẦN IV. LUẬN VĂN</b>					
27.	Luận văn	8		Business Research Project	3	

## **9. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

Việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo và công nhận tốt nghiệp cho học viên được thực hiện tuân thủ đúng quy định theo các quy định sau:

- + Thực hiện theo thông tư 15/2014/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 15 tháng 5 năm 2014 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;
- + Quyết định 92/QĐ-ĐHPT của Hiệu trưởng trường Đại học Phan Thiết ngày 8 tháng 9 năm 2015 ban hành quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Phan Thiết;

## **10. VỊ TRÍ CÔNG VIỆC SAU TỐT NGHIỆP**

Học viên tốt nghiệp chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Phan Thiết có thể tham gia làm việc ở các vị trí công việc như:

- + Quản lý điều hành tại các doanh nghiệp
- + Quản lý, điều hành trong các tổ chức, cơ quan nhà nước
- + Tổ chức kinh doanh

**11. DANH MỤC ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

MÃ MH	TÊN MÔN HỌC
M151603001	<a href="#">Triết học</a>
M151604002	<a href="#">Tiếng anh</a>
M151603003	<a href="#">Kinh tế học quản lý</a>
M151603004	<a href="#">Quản trị tài chính</a>
M151603005	<a href="#">Hành vi tổ chức</a>
M151603006	<a href="#">Kế toán quản trị</a>
M151603007	<a href="#">Quản trị kinh doanh quốc tế</a>
M151603008	<a href="#">Quản trị nguồn nhân lực</a>
M151603009	<a href="#">Quản trị sản xuất</a>
M151603010	<a href="#">Quản trị dự án</a>
M151603011	<a href="#">Quản trị marketing</a>
M151603012	<a href="#">Quản trị chuỗi cung ứng</a>
M151603013	<a href="#">Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh</a>
M151603014	<a href="#">Quản trị chiến lược</a>
M151603015	<a href="#">Phân tích định lượng trong kinh doanh</a>
M151603016	<a href="#">Nghiên cứu marketing</a>
M151603017	<a href="#">Luật kinh tế</a>
M151603018	<a href="#">Quản trị học</a>
M151603019	<a href="#">Quản trị sự thay đổi</a>
M151603020	<a href="#">Quản trị rủi ro</a>
M151603021	<a href="#">Quản trị chất lượng</a>
M151603022	<a href="#">Quản trị thương hiệu</a>

## MỤC LỤC ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

TRIẾT HỌC .....	19
TIẾNG ANH .....	25
KINH TẾ HỌC QUẢN LÝ .....	30
QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH .....	36
HÀNH VI TỔ CHỨC .....	42
KẾ TOÁN QUẢN TRỊ .....	51
QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ .....	58
QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC.....	65
QUẢN TRỊ SẢN XUẤT .....	75
QUẢN TRỊ DỰ ÁN .....	82
QUẢN TRỊ MARKETING.....	90
QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG .....	96
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRONG KINH DOANH .....	102
QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC .....	111
PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG TRONG KINH DOANH .....	118
NGHIÊN CỨU MARKETING .....	125
LUẬT KINH TẾ .....	132
QUẢN TRỊ HỌC .....	141
QUẢN TRỊ SỰ THAY ĐỔI.....	149
QUẢN TRỊ RỦI RO .....	156
QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG.....	163
QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU .....	171

# TRIẾT HỌC

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: TRIẾT HỌC
- Mã học phần: M151603001
- Bậc đào tạo: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần: Bộ môn cơ bản
- Số tín chỉ: 4 (3,1)
- + Lý thuyết: 30 tiết
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 30 tiết
- Ban giảng viên
- + TS Võ Thị Dung
- + PGS TS Vũ Tình

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học có 4 chuyên đề.

- Chương 1 gồm các nội dung về đặc trưng của triết học phương Tây, triết học phương Đông (trong đó có tư tưởng triết học Việt Nam) và triết học Mác.
- Chương 2 gồm các nội dung nâng cao về triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó.
- Chương 3 đi sâu hơn vào quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học, làm rõ vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học và đối với việc nhận thức, giảng dạy và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ.
- Chương 4 phân tích những vấn đề về vai trò của các khoa học đối với đời sống xã hội.

## 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước: không
- Học phần tiên quyết: không
- Các kiến thức, kỹ năng khác:

## 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

### *A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành*

#### *A.1. Kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học Tự nhiên, Xã hội và Nhân văn*

- Có phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề kinh tế, kinh doanh.
- Có kiến thức Toán, Khoa học tự nhiên để ứng dụng nghiên cứu, giải quyết vấn đề của tổ chức
- Có kiến thức Khoa học xã hội và Nhân văn để ứng dụng giải quyết các vấn đề của tổ chức

#### *A.2. Kiến thức cơ sở trong lĩnh vực kinh tế*

- Có kiến thức cơ bản về lý thuyết kinh tế cả vi mô, cả vĩ mô và quản lý
- Có kiến thức tài chính và kế toán để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý.
- Có khả năng hiểu và hệ thống hóa kiến thức cơ bản trong kinh tế và kinh doanh

### *B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân*

#### *B.1. Kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phản biện và giải quyết vấn đề*

- Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh
- Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp
- Có khả năng tổ chức thực hiện các phương án, dự án trong kinh doanh.
- Có khả năng quản lý kế hoạch hoạt động, công việc cụ thể trong kinh doanh

#### *B.3. Tư duy có hệ thống*

- Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

## ***D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp***

### ***D.1. Phẩm chất cá nhân trong bối cảnh xã hội***

- Nhận thức được vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị trước cộng đồng
- Nhận thức được những kiến thức về pháp luật, lịch sử và văn hóa
- Nhận thức được những lợi ích trong kinh doanh mang lại cho xã hội
- Nhận thức được vấn đề mang tính thời sự
- Có khả năng phát triển viễn cảnh toàn cầu

### ***D.3. Khả năng học suốt đời***

- Có ý thức tham gia vào các hoạt động rèn luyện sức khỏe, trí tuệ và tinh thần
- Có khả năng tự học hỏi và cập nhật kiến thức mới vào kinh doanh
- Có khả năng xây dựng mục tiêu cá nhân với sự phát triển nghề nghiệp
- Có khả năng vận dụng các phương pháp, các công cụ để tự nghiên cứu
- Có khả năng nắm bắt và vận dụng công nghệ mới đáp ứng mục tiêu nghề nghiệp

## **5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ.

Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.

## **6. PHÂN BỐ THỜI GIAN**

<b>Buổi</b>	<b>Chủ đề chính</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
1.	<b>Khái luận về Triết học</b> Triết học và vấn đề cơ bản của triết học Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội	5	
2.	Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam <b>Bản thể luận</b> Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch	5	

	sử triết học phương Đông, phương Tây		
3.	Nội dung bản thể luận trong triết học Mác-Lênin Mối quan hệ khách quan - chủ quan và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	5	
4.	<b>Phép biện chứng</b> Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật	5	
5.	Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn	5	
6.	<b>KIỂM TRA GIỮA KỲ</b>  <b>Nhận thức luận</b> Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức Lý luận nhận thức duy vật biện chứng Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội	5	
7.	Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay <b>Học thuyết các hình thái kinh tế xã hội</b> Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại	5	
8.	Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	5	
9.	<b>Triết học chính trị</b> Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay	5	
10.	<b>Ý thức xã hội</b> Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội	5	



11.	Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay <b>Triết học về con người</b> Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử	5	
12.	Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người Đầu tư Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.	5	
	<b>TỔNG</b>	<b>60</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học), Bộ Giáo dục và Đào tạo, NXB Lý luận chính trị, năm 2007.
- Slide do giảng viên cung cấp.

### ◆ Tài liệu tham khảo

- Triết học (Dùng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học không thuộc chuyên ngành triết học) 3 tập, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội, 1997.
- Giáo trình triết học Mác - Lênin, Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.
- Mối quan hệ con người – tự nhiên và phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay, TS. Phạm Thị Oanh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2013.

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

### ◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống,

trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.

- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

◆ **Thi kết thúc học phần**

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

◆ **Tỷ trọng đánh giá**

<b>Phương pháp đánh giá</b>	<b>Trọng số</b>
Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%

# TIẾNG ANH

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: TIẾNG ANH
- Mã học phần: M151604002
- Bậc đào tạo: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần: Khoa Tiếng Anh
- Số tín chỉ: 3
- + Lý thuyết: 45
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 0
- Ban giảng viên
- + ThS. Trương Thị Hòa
- + Ths. Nguyễn Thị Tuyết Phương
- + Ths. Huỳnh Thị Thu Thủy

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Tiếng Anh là môn học cung cấp những kiến thức kinh doanh cơ bản, trau dồi kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ giao dịch kinh doanh, làm việc cho học viên trong nhiều ngữ cảnh khác nhau. Các chủ đề về công việc, kinh doanh được lựa chọn đề cập rất phong phú như văn phòng, đồng nghiệp, việc bán lẻ hàng hoá, phát triển sản phẩm, phương pháp tiếp thị...với nội dung rất sát thực được cập nhật từ các báo, tạp chí kinh doanh.

Thông qua các chủ đề thú vị và sát thực, môn học giới thiệu vốn từ vựng văn phòng, kinh tế, kinh doanh phong phú, đa dạng, ôn lại các cấu trúc ngữ pháp giúp học viên hiểu và ứng dụng được vào giao tiếp, nghiên cứu tài liệu kinh tế, ...

## 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước: Quản trị học, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô
- Học phần tiên quyết:
- Các kiến thức, kỹ năng khác: kiến thức cơ bản về văn phạm tiếng Anh, kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình.

## 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

### *C. Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm*

#### *C.1. Kỹ năng giao tiếp và thiết lập mối quan hệ*

- Có khả năng thiết lập chiến lược giao tiếp trong bối cảnh toàn cầu
- Có khả năng thiết lập một cấu trúc giao tiếp hiệu quả với đối tác
- Có khả năng trình bày hiệu quả các vấn đề hay ý tưởng trước cộng đồng
- Có khả năng nghe với tư duy phản biện.
- Có khả năng giao tiếp bằng văn bản và giao tiếp đa phương tiện

#### *C.2. Kỹ năng làm việc nhóm*

- Có khả năng hình thành nhóm làm việc độc lập
- Có khả năng tổ chức hoạt động nhóm đạt được mục tiêu
- Có khả năng phát triển nhóm
- Có kỹ năng phối hợp làm việc nhóm

#### *C.3. Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ*

- Có khả năng Giao tiếp văn bản hiệu quả bằng tiếng Anh (B1).
- Có khả năng giao tiếp đa phương tiện hiệu quả bằng tiếng Anh (B1).
- Có khả năng giao tiếp bằng một ngôn ngữ khác

### *D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp*

#### *D.1. Phẩm chất cá nhân trong bối cảnh xã hội*

- Nhận thức được vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị trước cộng đồng
- Nhận thức được những kiến thức về pháp luật, lịch sử và văn hóa
- Nhận thức được những lợi ích trong kinh doanh mang lại cho xã hội
- Nhận thức được vấn đề mang tính thời sự
- Có khả năng phát triển viễn cảnh toàn cầu

#### *D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp*

- Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

*D.3. Khả năng học suốt đời*

- Có ý thức tham gia vào các hoạt động rèn luyện sức khỏe, trí tuệ và tinh thần
- Có khả năng tự học hỏi và cập nhật kiến thức mới vào kinh doanh
- Có khả năng xây dựng mục tiêu cá nhân với sự phát triển nghề nghiệp
- Có khả năng vận dụng các phương pháp, các công cụ để tự nghiên cứu
- Có khả năng nắm bắt và vận dụng công nghệ mới đáp ứng mục tiêu nghề nghiệp

**5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

Học phần được thiết kế nhằm giúp cho học viên nắm bắt các vấn đề liên quan đến các kiến thức Anh ngữ cơ bản và từ vựng tiếng Anh thương mại, tập trung vào 2 kỹ năng nghe và đọc. Sau khi hoàn thành học phần này, học viên có thể:

- (a) Nhận dạng được các điểm ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và nâng cao,
- (b) Nhận thức và sử dụng tiếng Anh liên quan đến thương mại, kinh doanh, và nhiều lĩnh vực khác.
- (c) Đánh giá trình độ tiếng Anh của từng học viên thông qua các bài thi tại lớp.

**6. PHÂN BỐ THỜI GIAN**

<b>Buổi</b>	<b>Chủ đề chính</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
1.	<b>Tenses Review</b> 12 tenses Exercises related to 12 tenses	4	
2.	<b>Listening</b> Photos Q & R Conversations Talks	4	
3.	<b>Reading</b> Incomplete Sentences Text Completion Reading Comprehension	4	
4.	<b>Listening (cont.)</b> Photos	4	

	Steps for analyzing photos Exercises Questions & Responses Who, what, when, where, why, how, auxiliaries, Statements		
5.	<b>Listening (cont.)</b> Conversations Strategy Practice Practice Tests Talks Strategy Practice Practice Tests	4	
6.	<b>Listening Comprehension Review</b> Practice Tests	4	
7.	<b>Reading</b> Incomplete Sentences Text Completion	4	
8.	<b>Reading (cont.)</b> Single Passages Double Passages	4	
9.	<b>Reading Comprehension Review</b>	4	
10.	<b>Sample Tests (Reading + Listening)</b>	4	
11.	<b>MID-TERM TEST</b>	4	
12.	<b>Practice Test 1</b>	4	
13.	<b>Practice Test 2</b>	4	
14.	<b>Practice Test 3</b>	4	
15.	<b>Practice Test 4</b>	4	
	<b>TỔNG</b>	<b>60</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- Longman Preparation Series for the New TOEIC Test (5th Edition), Lin Lougheed, Pearson Longman, 2012.
- Slide do giảng viên cung cấp.

### ◆ Tài liệu tham khảo

- Jim TOEIC 1000 Practice Tests, NXB Tổng hợp TP.HCM, 2012

- Developing Skills For The TOEIC Test, Anne Taylor, NXB Trẻ, 2012

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

### ◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.
- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

### ◆ Thi kết thúc học phần

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

### ◆ Tỷ trọng đánh giá

Phương pháp đánh giá	Trọng số
Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%

# KINH TẾ HỌC QUẢN LÝ

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: KINH TẾ HỌC QUẢN LÝ
- Mã học phần: M151603003
- Bachelor: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần: Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- + Lý thuyết: 45
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 0
- Ban giảng viên
- + TS. Võ Quang Vinh
- + TS. Ngô Bình Chung
- + TS. Đinh Bá Hùng Anh
- + PGS. TS Nguyễn Minh Hà

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Kinh tế học quản lý là môn học liên quan đến việc ra quyết định, trong đó đặc biệt sử dụng lý thuyết kinh tế vi mô làm nền tảng cho việc nghiên cứu. Kinh tế học quản lý có tầm quan trọng trong việc quản lý các tổ chức kinh doanh cũng như các tổ chức phi lợi nhuận.

Môn học phân tích các quyết định quản lý của doanh nghiệp trong việc xác định giá mua, bán sản phẩm của người tiêu dùng lẫn doanh nghiệp sao cho đạt mục tiêu tối đa hoá độ thoả dụng của người mua hay tối đa hoá lợi nhuận của người bán. Ngoài ra, môn học còn phân tích việc ra quyết định của doanh nghiệp trước các đối thủ cạnh tranh và xây dựng chiến định giá sản phẩm đặc biệt là trong các thị trường cạnh tranh không hoàn hảo. Mặt khác, môn học còn phân tích việc ra quyết định trong điều kiện có rủi ro nhằm giảm thiểu thiệt hại. Cuối cùng, môn học còn phân tích việc ra quyết định của doanh nghiệp có tính đến chính sách điều tiết của chính phủ trong nước cũng như xu hướng hội nhập quốc tế.



### 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước: không
- Học phần tiên quyết: không
- Các kiến thức, kỹ năng khác: các kiến thức về kinh tế xã hội là hết sức cần thiết để giúp học viên hiểu và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

### 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

#### A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành

##### A.2. Kiến thức cơ sở trong lĩnh vực kinh tế

- Có kiến thức cơ bản về lý thuyết kinh tế cả vi mô, cả vĩ mô và quản lý
- Có kiến thức tài chính và kế toán để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý.
- Có khả năng hiểu và hệ thống hóa kiến thức cơ bản trong kinh tế và kinh doanh

##### A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh

- Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.
- Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để phản biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

#### B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân

##### B.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh

- Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh.
- Có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh
- Có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh
- Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh

### *B.3. Tư duy có hệ thống*

- Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

### *B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp*

- Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm
- Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh
- Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

## ***D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp***

### *D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp*

- Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

## **5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

Môn học sẽ cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản, phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận về việc vận dụng lý thuyết kinh tế học trong quản lý các tổ chức doanh nghiệp. Sau khi hoàn tất khoá học, người học sẽ nắm vững cách vận dụng chiến lược định giá trong kinh doanh của các doanh nghiệp trên ở những thị trường cạnh tranh hoàn hảo, cạnh tranh độc quyền, độc quyền nhóm, độc quyền thuần túy. Ngoài ra, người học còn có những kỹ năng phân tích cơ bản liên quan đến hoạt động kinh doanh giúp cho quá trình ra quyết định được hiệu quả.

## 6. PHÂN BỐ THỜI GIAN

Buổi	Chủ đề chính	Số tiết	Ghi chú
1.	<b>Giới thiệu môn học</b> <b>Doanh nghiệp và các mục tiêu</b>	4	
2.	<b>Cung, cầu và độ co giãn</b> <b>Lý thuyết về cầu</b> <b>Lý thuyết về sản xuất</b>	4	
3.	<b>Phân tích thị trường cạnh tranh</b> Hiệu quả của thị trường cạnh tranh Chính sách kiểm soát giá: giá tối đa, giá tối thiểu Tác động của thuế và trợ cấp Thuế và hạn ngạch nhập khẩu Thuế và hạn ngạch xuất khẩu	4	
4.	<b>Thị trường cạnh tranh độc quyền và thiếu số độc quyền:</b> Khái niệm và đặc điểm thị trường cạnh tranh độc quyền Cạnh tranh độc quyền và lợi ích kinh tế Khái niệm và đặc điểm thị trường thiếu số độc quyền Các mô hình về thị trường thiếu số độc quyền	3	
5.	<b>Lựa chọn trong điều kiện không chắc chắn:</b> Giới thiệu về điều kiện không chắc chắn Đo lường mức độ hấp dẫn và mạo hiểm của tình huống Đo lường thái độ đối với may rủi Một số ứng dụng	4	
6.	<b>KIỂM TRA GIỮA KỲ</b> <b>Doanh nghiệp trong nền kinh tế thế giới</b>	4	
7.	<b>Định giá trong điều kiện có sức mạnh thị trường:</b> Phân biệt giá cấp một, cấp hai, cấp ba Phân biệt giá theo thời điểm và định giá lúc cao điểm Giá cả hai phần	4	

	Quảng cáo		
8.	<b>Tổng quan về kinh tế vĩ mô: Đo lường và cấu trúc nền kinh tế</b>	3	
9.	<b>Tổng cung – Tổng cầu Tổng chi tiêu và thu nhập quốc dân</b>	4	
10.	<b>Cung - cầu tiền tệ Tiền tệ - Lạm phát</b>	4	
11.	<b>Thị trường ngoại hối Cán cân thanh toán</b>	4	
12.	<b>Chính sách kinh tế trong nền kinh tế mở Ôn tập</b>	3	
	<b>TỔNG</b>	45	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- P. G. Keat & P. K. Young, *Managerial Economics: Economic Tools for Today's Decision Makers*, Prencial Hall, 2012.
- Slide do giảng viên cung cấp.

### ◆ Tài liệu tham khảo

- R. S. Pindyck & D. L. Rubinfeld, *Microeconomics*, Person, 2014.
- Bản dịch: Nguyễn Trọng Hoài và ctg, *Principles of Microeconomics*, N.G Mankiw, Cengage Learning, 2014.
- Bản dịch: Nguyễn Trọng Hoài và ctg, *Principles of Macroeconomics*, N.G Mankiw, Cengage Learning, 2014.

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

### ◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.
- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

### ◆ Thi kết thúc học phần

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

### ◆ Tỷ trọng đánh giá

Phương pháp đánh giá	Trọng số
Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%

# QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH
- Mã học phần: M151603004
- Bachelor: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần: Kế Toán
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- + Lý thuyết: 45
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 0
- Ban giảng viên
- + PGS TS Lê Hùng Sơn
- + PGS TS Lê Thị Lanh
- + TS Nguyễn Tấn Bình
- + TS Trần Lâm Vũ

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học này dành cho các học viên cao học ngành Quản trị Kinh doanh trong các trường dạy về quản lý, và các quản trị gia không chuyên về quản lý tài chính doanh nghiệp (non-financial managers). Môn học giới thiệu các nghiệp vụ, quản trị tài chính chuẩn mực và những tiến bộ mới nhất liên quan đến vấn đề quản trị tài chính doanh nghiệp trên thế giới. Môn học yêu cầu học viên có kiến thức kế toán tài chính và tài chính căn bản.

## 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước: Kế toán đại cương và Tài chính DN căn bản
- Học phần tiên quyết:
- Các kiến thức, kỹ năng khác: Excel thực hành

## 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

### A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành

#### A.2. Kiến thức cơ sở trong lĩnh vực kinh tế

- Có kiến thức cơ bản về lý thuyết kinh tế cả vi mô, cả vĩ mô và quản lý
- Có kiến thức tài chính và kế toán để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý.
- Có khả năng hiểu và hệ thống hóa kiến thức cơ bản trong kinh tế và kinh doanh

#### A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh

- Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.
- Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để phân biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

### B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân

#### B.1. Kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phản biện và giải quyết vấn đề

- Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh
- Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp
- Có khả năng tổ chức thực hiện các phương án, dự án trong kinh doanh.
- Có khả năng quản lý kế hoạch hoạt động, công việc cụ thể trong kinh doanh

#### B.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh

- Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh.
- Có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh
- Có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh

- Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh

### *B.3. Tư duy có hệ thống*

- Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

### *B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp*

- Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm
- Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh
- Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

## *D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp*

### *D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp*

- Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

## **5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

Hoàn thành môn học này học viên có thể thực hiện việc phân tích và hoạch định tài chính doanh nghiệp, nhận dạng và đo lường rủi ro của dự án và rủi ro doanh nghiệp và một số vấn đề trong thực hiện kinh doanh quốc tế.

Sau khi nghiên cứu phần học này, học viên có thể:

- (a) Hiểu được tình hình hoạt động của một công ty nói chung nhìn dưới góc độ tài chính, khởi điểm từ các báo cáo tài chính. Một cách cụ thể là “đọc hiểu”, diễn giải các báo cáo tài chính (financial statements).



(b) Lập báo cáo ngân lưu/dòng tiền (cash flows statement), báo cáo nguồn tiền và sử dụng tiền (source and use).

(c) Phân tích tình hình tài chính (financial analysis) và dự báo tài chính công ty (financial forecast).

(d) Lập kế hoạch tài chính ngắn hạn (tháng, quý), cụ thể kế hoạch lợi nhuận, cân đối tài chính và kế hoạch tiền mặt (master budget).

(e) Hiểu vai trò của vốn lưu động và quản trị vốn lưu động (working capital management).

(f) Nắm vững kỹ thuật chiết khấu dòng tiền, các tiêu chí đánh giá hiệu quả tài chính của các phương án đầu tư và các ứng dụng thực tế trong đời thực.

(g) Định giá chứng khoán (trái phiếu, cổ phiếu); Đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư.

## 6. PHÂN BỐ THỜI GIAN

Buổi	Chủ đề chính	Số tiết	Ghi chú
1.	<b>Giới thiệu tổng quan môn học</b> - Mục tiêu môn học - Nội dung môn học - Phương pháp giảng dạy - Tài liệu học tập và tham khảo - Chính sách đánh giá - Tầm quan trọng của QTTC trong DN - Vai trò của quản trị gia tài chính - Mục tiêu QTTC	4	
2.	<b>Đòn cân hoạt động và đòn bẩy tài chính</b> - Phân tích đòn cân hoạt động, đòn bẩy tài chính	4	
3.	<b>Đòn cân hoạt động và đòn bẩy tài chính (tt)</b> - Rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính	4	
4.	<b>Đòn cân hoạt động và đòn bẩy tài chính (tt)</b> - Tác động của đòn cân hoạt động và đòn bẩy tài chính đến kết quả KD và rủi ro của DN	3	
5.	<b>Hoạch định ngân quỹ đầu tư</b> - Các tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư	4	

6.	<b>Hoạch định ngân quỹ đầu tư (tt)</b> - Phân tích rủi ro dự án	4	
7.	<b>Hoạch định ngân quỹ đầu tư (tt)</b> - Xác định mức ngân quỹ đầu tư tối ưu	4	
8.	<b>Chi phí vốn và cơ cấu vốn</b> - Chi phí vốn thành phần - Chi phí vốn trung bình chi trọng (WACC)	3	
9.	<b>Chi phí vốn và cơ cấu vốn (tt)</b> - Cơ cấu vốn tối ưu - Chi phí vốn và giá trị DN	4	
10.	<b>Chính sách cổ tức và giá trị doanh nghiệp</b> - Giới thiệu các chính sách chia cổ tức - Quan điểm của MM	4	
11.	<b>Chính sách cổ tức và giá trị doanh nghiệp (tt)</b> - Lý thuyết tín hiệu - Cổ tức và giá trị DN	4	
12.	<b>Ôn tập</b>	3	
	<b>TỔNG</b>	<b>45</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- Nguyễn Tấn Bình, Quản trị tài chính, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia HCMC,

2003; NXB Tổng hợp, tái bản lần thứ 10, năm 2013

- Slide do giảng viên cung cấp.

### ◆ Tài liệu tham khảo

- TS. Bùi Hữu Phước (chủ biên), “Tài chính doanh nghiệp”, NXB. Tài Chính 2009.

- Nguyễn Tấn Bình, Tài chính - kế toán dành cho nhà quản trị, Nhà xuất bản

Thống kê, 2007, NXB Đại học Kinh Tế tái bản lần 4, năm 2015.

- Nguyễn Tấn Bình, Toán tài chính ứng dụng, Nhà xuất bản Thống kê, 2007, tái

bản năm 2010.

- Brealey, Myers, Principles of Corporate Finance, 5th edition, McGraw -Hill, 1996, bản tiếng Việt của Trường Fulbright (FETP).

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ.

### ◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.
- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

### ◆ Thi kết thúc học phần

- Thời gian: Theo lịch thi chung của trường
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận

### ◆ Tỷ trọng giá

Phương pháp đánh giá	Trọng số
Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%

# HÀNH VI TỔ CHỨC

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: HÀNH VI TỔ CHỨC
- Mã học phần: M151603005
- Cấp đào tạo: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần: Khoa Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- + Lý thuyết: 45
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 0
- Ban giảng viên
- + TS. Lê Việt Long
- + TS. Phạm Hùng Cường

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần nghiên cứu về những hành vi cá nhân trong tổ chức, tìm hiểu những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức nhằm mục đích thiết kế và thay đổi hành vi tổ chức để đạt hiệu quả cao hơn.

## 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước: Quản trị học,
- Học phần tiên quyết:
- Các kiến thức, kỹ năng khác: kiến thức căn bản về Tâm lý học, Xã hội học (nếu có) là cần thiết.

## 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

### *A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành*

#### *A.1. Kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học Tự nhiên, Xã hội và Nhân văn*

- Có phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề kinh tế, kinh doanh.
- Có kiến thức Toán, Khoa học tự nhiên để ứng dụng nghiên cứu, giải quyết vấn đề của tổ chức

- Có kiến thức Khoa học xã hội và Nhân văn để ứng dụng giải quyết các vấn đề của tổ chức

### *A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh*

- Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.
- Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để phân biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

## *B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân*

### *B.1. Kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phản biện và giải quyết vấn đề*

- Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh
- Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp
- Có khả năng tổ chức thực hiện các phương án, dự án trong kinh doanh.
- Có khả năng quản lý kế hoạch hoạt động, công việc cụ thể trong kinh doanh

### *B.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh*

- Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh.
- Có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh
- Có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh
- Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh

### *B.3. Tư duy có hệ thống*

- Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống

- Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

#### *B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp*

- Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm
- Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh
- Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

#### *B.5. Kỹ năng và thái độ cá nhân*

- Chủ động và sẵn sàng chấp nhận rủi ro trong kinh doanh
- Có tính kiên trì và linh hoạt trong giải quyết vấn đề kinh doanh
- Có khả năng nhận thức về đặc điểm, tính cách và kiến thức của chính mình
- Có khả năng quản lý các nguồn lực và thời gian

### *C. Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm*

#### *C.1. Kỹ năng giao tiếp và thiết lập mối quan hệ*

- Có khả năng thiết lập chiến lược giao tiếp trong bối cảnh toàn cầu
- Có khả năng thiết lập một cấu trúc giao tiếp hiệu quả với đối tác
- Có khả năng trình bày hiệu quả các vấn đề hay ý tưởng trước cộng đồng
- Có khả năng nghe với tư duy phản biện.
- Có khả năng giao tiếp bằng văn bản và giao tiếp đa phương tiện

#### *C.2. Kỹ năng làm việc nhóm*

- Có khả năng hình thành nhóm làm việc độc lập
- Có khả năng tổ chức hoạt động nhóm đạt được mục tiêu
- Có khả năng phát triển nhóm
- Có kỹ năng phối hợp làm việc nhóm

### *D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp*

#### *D.1. Phẩm chất cá nhân trong bối cảnh xã hội*

- Nhận thức được vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị trước cộng đồng
- Nhận thức được những kiến thức về pháp luật, lịch sử và văn hóa

- Nhận thức được những lợi ích trong kinh doanh mang lại cho xã hội
- Nhận thức được vấn đề mang tính thời sự
- Có khả năng phát triển viễn cảnh toàn cầu

#### *D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp*

- Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

### **5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

Nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức về diễn biến hành vi của một người khi làm việc trong một nhóm và tổ chức, giúp họ giải thích tại sao một con người thực hiện hành vi này mà không thực hiện hành vi khác trong 1 tình huống nhất định, cái gì thúc đẩy họ làm việc, cái gì khiến họ gắn bó với một tổ chức. với những kiến thức được cung cấp học viên sẽ ứng dụng trong công việc quản lý đội ngũ nhân viên của mình sau này một cách hiệu quả.. Sau khi hoàn thành học phần này, học viên có thể:

- (a) Giải thích được sự cần thiết của nghiên cứu môn Hành vi tổ chức.
- (b) Nhận biết được sự ảnh hưởng của các yếu tố như đặc tính tiêu sử, tính cách, nhận thức, học tập, các giá trị, thái độ, sự động viên... đến hành vi cá nhân trong tổ chức. Từ đó giúp cho nhà quản trị biết cách tuyển chọn, bố trí đúng người, đúng việc, phát huy năng lực của các thành viên.
- (c) Nhận biết được nhóm ảnh hưởng như thế nào đến hành vi cá nhân và các dạng hành vi trong nhóm. Nhận dạng được các loại xung đột và chọn lựa chiến lược giải quyết xung đột.
- (d) Nắm được các vấn đề liên quan đến văn hoá tổ chức: các đặc tính, quá trình hình thành văn hóa tổ chức. Nhận dạng những áp lực thúc đẩy sự thay đổi của tổ chức; nhận biết được nguồn gốc cản trở sự thay đổi từ đó chỉ ra các biện pháp khắc phục cản trở sự thay đổi của tổ chức.

## 6. PHÂN BỐ THỜI GIAN

Buổi	Chủ đề chính	Số tiết	Ghi chú
1.	<p><b>Chương 1: Giới thiệu chung về hành vi tổ chức</b></p> <p>Định nghĩa hành vi tổ chức</p> <p>Mô tả những công việc của nhà quản lý</p> <p>Trình bày những thách thức mà hành vi tổ chức đối mặt</p> <p>Xác định những đóng góp của các lĩnh vực khoa học khác đến hành vi tổ chức</p> <p>Trình bày những lý do mà các nhà quản lý cần có kiến thức hành vi tổ chức</p> <p>Giải thích phương pháp tiếp cận nghiên cứu hành vi tổ chức</p> <p>Trình bày 3 cấp độ phân tích của mô hình hành vi tổ chức</p>	4	
2.	<p><b>Chương 2: Cơ sở của hành vi cá nhân</b></p> <p>Nhận biết những đặc tính tiêu sử quan trọng</p> <p>Xác định hai dạng khả năng của cá nhân</p> <p>Ảnh hưởng của tính cách đến công việc</p> <p>Định hình hành vi của những người khác</p> <p>Làm rõ vấn đề học tập trong tổ chức</p>	4	
3.	<p><b>Chương 3: Nhận thức và ra quyết định cá nhân</b></p> <p>Giải thích hai người khác nhau nhìn cùng một sự việc và diễn giải khác nhau như thế nào</p> <p>Trình bày 3 nhân tố của quy kết</p> <p>Giới thiệu những sai lệch trong nhận thức</p> <p>Trình bày mối liên hệ giữa nhận thức và ra quyết định</p> <p>Mô tả các bước ra quyết định và ứng dụng vào tổ chức thực tế</p>	4	
4.	<p><b>Chương 4: Thái độ, giá trị và sự hài lòng công việc</b></p> <p>Phân biệt giữa giá trị sau cùng và giá trị phương tiện</p> <p>Liệt kê những giá trị chủ yếu của lực lượng lao động ngày nay</p> <p>Xác định 5 phạm trù văn hóa quốc gia</p> <p>Giới thiệu 3 thành phần thái độ</p> <p>Tóm tắt mối quan hệ giữa thái độ và hành vi</p> <p>Giới thiệu mối quan hệ giữa hành vi và hài lòng công</p>	3	



	việc Trình bày 4 phản ứng của nhân viên khi bất mãn		
5.	<b>Chương 5: Động viên người lao động</b> Trình bày quy trình động viên Mô tả bậc thang nhu cầu của Maslow Giới thiệu học thuyết X, học thuyết Y Trình bày học thuyết hai nhân tố Làm sáng tỏ học thuyết mong đợi Giải thích những lý thuyết động viên đương thời Ứng dụng lý thuyết động viên vào thực tiễn	4	
6.	<b>Chương 6: Cơ sở hành vi của nhóm</b> Phân biệt giữa nhóm chính thức và nhóm không chính thức Trình bày các giai đoạn hình thành một nhóm Phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi nhóm Liệt kê những điểm mạnh và điểm yếu ra quyết định theo nhóm Các kỹ thuật ra quyết định nhóm	4	
7.	<b>Chương 7: Truyền thông trong nhóm</b> Mô tả quy trình truyền thông So sánh hiệu quả của các dạng truyền thông chính thức Xác định những ảnh hưởng của tin hành lang. Giải thích tầm quan trọng về độ phong phú của các kênh nhằm cải thiện kỹ năng truyền thông hiệu quả Xác định những cản trở chính cho truyền thông hiệu quả	4	
8.	<b>Chương 8: Lãnh đạo trong nhóm</b> Phân biệt giữa lãnh đạo và quản lý Tóm tắt những kết luận của lý thuyết cá tính điển hình Tìm hiểu về các học thuyết hành vi Mô tả mô hình của Fiedler Giải thích lý thuyết tình huống của Hersey và Blanchard Mô tả lý thuyết đường dẫn-mục tiêu	3	
9.	<b>Chương 9: Quyền lực và mâu thuẫn trong nhóm</b> Trương phản giữa lãnh đạo và quyền lực Xác định bốn dạng quyền lực cơ bản Làm rõ những nguyên nhân tạo nên tính phụ thuộc trong	4	

	<p>mối quan hệ quyền lực</p> <p>Liệt kê 7 mục tiêu quyền lực</p> <p>Định nghĩa về mâu thuẫn</p> <p>Phân biệt các quan điểm về mâu thuẫn theo truyền thống, theo mối quan hệ con người và theo quan điểm tương tác</p> <p>Trình bày quá trình mâu thuẫn</p>		
10.	<p><b>Chương 10:Cơ cấu tổ chức</b></p> <p>Trình bày những yếu tố xác định cơ cấu tổ chức</p> <p>Trình bày những đặc điểm của các dạng cơ cấu tổ chức</p> <p>Tìm ra tính tương phản giữa cơ cấu cơ học và cơ cấu hữu cơ</p> <p>Trình bày những nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức</p>	4	
11.	<p><b>Chương 11:Văn hóa tổ chức</b></p> <p>Trình bày thể chế hóa và sự liên quan của thể chế hóa đến văn hóa tổ chức</p> <p>Xác định những đặc điểm chung làm nên văn hóa tổ chức</p> <p>Tương phản giữa những nền văn hóa mạnh và yếu</p> <p>Xác định những ảnh hưởng chức năng và phi chức năng của văn hóa tổ chức đến con người và đến tổ chức</p> <p>Giải thích những yếu tố xác định văn hóa tổ chức</p> <p>Trình bày những yếu tố duy trì văn hóa tổ chức</p> <p>Làm rõ phương pháp đưa văn hóa đến nhân viên</p> <p>Trình bày những đặc điểm của văn hóa tinh thần</p>	4	
12.	- Ôn tập	3	
	<b>TỔNG</b>	<b>45</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- Stephen P. Robbins. Timothy A. Judge, Hành vi tổ chức, Nhà xuất bản lao động xã hội, năm 2012.

### ◆ Tài liệu tham khảo

- PGS.TS Bùi Anh Tuấn, Hành vi tổ chức, Nhà xuất bản Kinh tế quốc dân, năm 2013.
- TS. Nguyễn Hữu Lam, Hành vi tổ chức: Nhà xuất bản Giáo dục 2002.

- TS.Thái Trí Dũng, Tâm lý học quản trị kinh doanh: Nhà xuất bản Thống kê 2003.
- -TS. Thái Trí Dũng, Kỹ năng giao tiếp và thương lượng: Nhà xuất bản Thống kê, 2003.
- - TS. Nguyễn Mạnh Quân, Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp: Nhà xuất bản lao động 2005
- -Paul Hersey, Management of organizational Behavior, TS, Trần Thị Hạnh dịch:Nhà XB chính trị quốc gia.

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

### ◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.
- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

### ◆ Thi kết thúc học phần

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

### ◆ Tỷ trọng đánh giá

Phương pháp đánh giá	Trọng số
----------------------	----------

Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%

# KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ
- Mã học phần: M151603006
- Bachelor: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần: Khoa kế toán
- Số tín chỉ: 3 (2,1)
- + Lý thuyết: 30
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 30
- Ban giảng viên
- + TS Hoàng Đức Long
- + TS Hoàng Văn Lương
- + PGS TS Phan Đức Dũng

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Kế toán quản trị (management accounting) là một môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực quản trị hiệu quả, là công cụ cần thiết giúp nghiên cứu phương cách ra quyết định trong hoạt động kinh doanh. Môn học giúp tăng cường khả năng của người tham gia/tham mưu để đưa ra quyết định hiệu quả bằng cách khuyến khích họ tìm hiểu cơ chế bên trong của các nguyên tắc, khái niệm, chứ không chỉ tập trung vào kỹ thuật ghi nhớ hay tuân thủ quy định/ chế độ như trong kế toán tài chính (financial accounting). Môn học tập trung phát triển một sự hiểu biết vững chắc về các chi phí và hành vi của chi phí (cost behavior) và việc sử dụng các thông tin chi phí cho các quyết định lập kế hoạch và kiểm soát.

## 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước: Quản trị học, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô
- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán

- Các kiến thức, kỹ năng khác: kiến thức và kỹ năng cơ bản trong tính toán và thống kê, đặc biệt là kỹ năng Excel được yêu cầu bắt buộc khi phải sử dụng các phương pháp định lượng.

#### **4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

##### ***A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành***

##### ***A.2. Kiến thức cơ sở trong lĩnh vực kinh tế***

- Có kiến thức cơ bản về lý thuyết kinh tế cả vi mô, cả vĩ mô và quản lý
- Có kiến thức tài chính và kế toán để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý.
- Có khả năng hiểu và hệ thống hóa kiến thức cơ bản trong kinh tế và kinh doanh

##### ***A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh***

- Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.
- Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để phân biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

##### ***B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân***

##### ***B.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh***

- Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh.
- Có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh
- Có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh
- Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh

##### ***B.3. Tư duy có hệ thống***

- Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp

- Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

#### *B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp*

- Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm
- Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh
- Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

#### *D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp*

##### *D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp*

- Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

## **5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

Kế toán quản trị thuộc về lĩnh vực quản lý, khóa học cung cấp các phương pháp để ra quyết định quản lý trong thực tế: từ việc *tổ chức sản xuất, tiếp thị và bán hàng*, cho đến *dự báo chi phí* (cost forecasting), *kế hoạch ngân sách* (master budget) và *ra quyết định đầu tư* (capital budgeting/hoạch định vốn).

Sau khi kết thúc môn học, học viên có thể:

- (a) Giải thích tại sao kế toán nói chung là cần thiết cho các nhà hoạch định và quản lý; mô tả phương cách sử dụng thông tin kế toán trong quản lý; Xác định các xu hướng hiện tại trong kế toán quản trị;
- (b) Phân biệt trong tổ chức và sử dụng thông tin giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị;

- (c) Phân tích chi phí từ xếp loại theo nội dung chi phí (kế toán tài chính) sang xếp loại theo hành vi chi phí (kế toán quản trị);
- (d) Dự báo chi phí theo các phương pháp [hướng dẫn thực hành trên bảng tính Excel];
- (e) Hiểu biết về mô hình Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận (CVP: Cost-Volume-Profits);
- (f) Tính toán và ứng dụng Điểm hòa vốn (BEP: Break-Even Point) trong quyết định kinh doanh;
- (g) Nắm rõ mô hình ra quyết định đầu tư (hoạch định vốn) với kỹ thuật chiết khấu dòng tiền và các tiêu chí ra quyết định: Giá trị hiện tại ròng (NPV) và Suất sinh lời nội bộ (IRR);
- (h) Lập kế hoạch ngân sách, kế hoạch tiền mặt ngắn hạn (tháng, quý) [hướng dẫn Excel]
- (i) Phân biệt giữa chi phí theo công việc/đơn hàng và theo quá trình.
- (j) Hiểu được sự khác biệt chủ yếu giữa hệ thống chi phí truyền thống và theo hoạt động (ABC);
- (k) Diễn giải khung tổng quát về phân bổ chi phí.
- (l) Phân biệt giữa các thông tin tương thích và không thích hợp cho việc ra quyết định giá bán và quyết định trong hoạt động sản xuất;
- (m) Phân tích biến động chi phí;
- (n) Vai trò, phạm vi các trung tâm trách nhiệm: chi phí, kinh doanh, đầu tư.

## 6. PHÂN BỐ THỜI GIAN

Buổi	Chủ đề chính	Số tiết	Ghi chú
1.	<p><b>Giới thiệu:</b></p> <p>Vai trò kế toán quản trị (KTQT);</p> <p>Phân biệt chức năng với kế toán tài chính (KTTC).</p> <p><b>Phân tích và dự báo chi phí:</b></p> <p>Phân tích chi phí từ nội dung chi phí (KTTC) sang hành vi chi phí (KTQT);</p> <p>Dự báo chi phí;</p> <p>Hướng dẫn thực hành trên Excel.</p>	4	



2.	<b>Điểm hòa vốn và quan hệ Chi phí-Khối lượng-Lợi nhuận:</b> Tính toán và áp dụng ra quyết định với điểm hòa vốn; Mô hình Chi phí-Khối lượng-Lợi nhuận (CVP) và ứng dụng; Thực hành “phản xạ” trên lớp với các tình huống thực tế.	4	
3.	<b>Kế hoạch ngân sách:</b> Vai trò, trình tự lập kế hoạch ngân sách; Hướng dẫn lập kế hoạch ngắn hạn: lợi nhuận, cân đối tài sản và kế hoạch tiền mặt;	4	
4.	<b>Hướng dẫn và chuyển giao bảng tính Excel.</b>	3	
5.	<b>Ra quyết định đầu tư/hoạch định vốn:</b> Chiết khấu dòng tiền và các ứng dụng thực tiễn;	4	
6.	<b>KIỂM TRA GIỮA KỲ</b> Các tiêu chí ra quyết định: NPV, IRR, DSCR.	4	
7.	<b>Tập hợp chi phí và tính giá thành theo công việc, theo tiến trình</b> Chi phí NVLTT, Chi phí nhân công trực tiếp; Đánh giá sản phẩm dở dang phù hợp với loại hình sản xuất	4	
8.	<b>Phân bổ dựa trên cơ sở truyền thống và cơ sở hoạt động ABC</b> Khung tổng quát về phân bổ chi phí Chi phí sản xuất chung, các tiêu thức phân bổ chi phí	3	
9.	Phân bổ theo cơ sở truyền thống Phân bổ theo cơ sở hoạt động (ABC)	4	
10.	<b>Thông tin thích hợp để đưa ra quyết định sản xuất kinh doanh</b> Quyết định giá bán theo phương pháp Absorption; Quyết định giá bán theo phương pháp Contribution (variable)	4	
11.	Cơ sở cho nhà quản trị khi đưa ra quyết định Kế toán trách nhiệm, kế toán môi trường, trách nhiệm nhà quản lý trong mối quan hệ lợi ích và chi phí	4	
12.	Kế toán trách nhiệm và kế toán môi trường trong báo cáo tài chính và báo cáo quản trị Phân tích chi phí trong mối quan hệ với doanh thu	3	
	<b>TỔNG</b>	<b>45</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- Nguyễn Tấn Bình, Kế toán quản trị, NXB ĐHQG, 2012
- Slide do giảng viên cung cấp.

### ◆ Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Ngọc Quang, Kế toán quản trị, NXB Kinh tế quốc dân, 2014.
- Nguyễn Thị Loan, Kế toán quản trị, NXB Kinh tế, 2013.

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

### ◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.
- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

### ◆ Thi kết thúc học phần

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

### ◆ Tỷ trọng đánh giá

Phương pháp đánh giá	Trọng số
----------------------	----------

Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%

# QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ
- Mã học phần: M151603007
- Cấp đào tạo: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần: Khoa Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- + Lý thuyết: 45
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 0
- Ban giảng viên
- + PGS. TS. Nguyễn Trung Văn
- + PGS. TS Nguyễn Phúc Khanh
- + PGS. TS Nguyễn Xuân Minh

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần giới thiệu, mô tả, và giải thích môi trường kinh doanh quốc tế đương đại trong đó các tổ chức kinh doanh quốc tế đang phải đối mặt hiện nay. Học phần này cũng nhằm giới thiệu cách thức thực hiện chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty. Những kiến thức cung cấp trong học phần này sẽ hữu ích không những cho các quản trị gia trong khu vực kinh tế công và tư nhân, các nhà quản lý của các tổ chức quốc tế cũng như những chuyên gia hoạt động trong lĩnh vực này trong việc nắm bắt những xu hướng kinh doanh quốc tế, chiến lược và tổ chức hoạt động tác nghiệp của các công ty kinh doanh quốc tế.

Trong bối cảnh sự hợp nhất kinh tế và sự tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế toàn cầu, sự hình thành và phát triển nhanh chóng của thị trường và thương hiệu quốc tế, sự phát triển nhanh chóng của các khu vực kinh tế hợp nhất, các định hướng cho hoạt động kinh doanh cũng như chính sách của chính phủ không chỉ đơn thuần hướng hoàn toàn cho thị trường nội địa. Hơn thế nữa, sự cạnh tranh ngày càng gia tăng, buộc các công ty phải chú ý đến tính toàn cầu hóa thậm chí những công ty này chỉ hoạt động trên thị trường nội địa.

### 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước: Quản trị học, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô
- Học phần tiên quyết:
- Các kiến thức, kỹ năng khác: kiến thức căn bản về kinh tế học vi mô, vĩ mô là cần thiết.

### 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

#### A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành

##### A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh

- Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.
- Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để phản biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

#### B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân

##### B.1. Kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phản biện và giải quyết vấn đề

- Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh
- Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp
- Có khả năng tổ chức thực hiện các phương án, dự án trong kinh doanh.
- Có khả năng quản lý kế hoạch hoạt động, công việc cụ thể trong kinh doanh

##### B.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh

- Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh.
- Có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh
- Có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh
- Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh

### *B.3. Tư duy có hệ thống*

- Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

### *B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp*

- Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm
- Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh
- Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

## ***D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp***

### *D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp*

- Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

## **5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

Học phần được thiết kế nhằm giúp cho học viên nắm bắt các vấn đề liên quan đến môi trường kinh doanh quốc tế đương đại, sự năng động và thay đổi nhanh chóng của môi trường này, từ đó nhận dạng và định vị hoạt động kinh doanh của công ty sao cho thích ứng với môi trường này. Sau khi hoàn thành học phần này, học viên có thể:

- (a) Nhận dạng được quá trình toàn cầu hóa và sự tác động của nó đến kinh tế của từng quốc gia cũng như hoạt động kinh doanh của công ty.
- (b) Nhận thức và sử dụng các lý thuyết về thương mại quốc tế để giải thích về các hiện tượng thương mại và sự tác động của nó đến từng ngành, lĩnh vực

(c) Đánh giá được sự tác động và những kết quả mang lại từ hoạt động đầu tư trực tiếp cũng như những hệ quả từ sự can thiệp của nhà nước thông qua các chính sách, các mối quan hệ mâu dịch quốc tế.

(d) Đánh giá được những lợi thế và bất lợi trong việc tham gia vào các khu vực trong việc phát triển kinh tế quốc gia, ngành, và khu vực kinh tế

(e) Đánh giá được những tác động và sự phức tạp của thị trường tài chính và tiền tệ quốc tế đến hoạt động kinh doanh của công ty .

(f) Thông hiểu được quá trình hoạch định chiến lược và thực hiện chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty đa quốc gia.

## 6. PHÂN BỐ THỜI GIAN

Buổi	Chủ đề chính	Số tiết	Ghi chú
1.	<b>Tổng quan về Quản trị kinh doanh quốc tế:</b> - Khái niệm - Kinh doanh quốc tế và trong nước - Động cơ kinh doanh quốc tế - Các hình thức kinh doanh quốc tế - Công ty đa quốc gia	4	
2.	<b>Lý thuyết về đầu tư và thương mại quốc tế:</b> - Lý thuyết thương mại quốc tế - Lý thuyết đầu tư quốc tế - Những nhân tố ảnh hưởng đến FDI	4	
3.	<b>Liên kết kinh tế quốc tế:</b> - Khái niệm - Liên kết quốc tế nhà nước - Một số liên kết quốc tế quan trọng - Liên kết quốc tế tư nhân	4	
4.	<b>Môi trường văn hóa:</b> - Khái niệm - Các yếu tố văn hóa - Văn hóa và thái độ - Văn hóa và quản trị chiến lược	3	
5.	<b>Môi trường thương mại quốc tế:</b>	4	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Những rào cản thương mại</li> <li>- Những hàng rào phi thuế quan</li> <li>- Những sự phát triển kinh tế khác</li> </ul>		
<b>6.</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>  <b>Môi trường chính trị pháp luật</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi trường chính trị</li> <li>- Môi trường pháp luật</li> </ul>	4	
<b>7.</b>	<b>Hoạch định chiến lược toàn cầu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến trình hoạch định chiến lược</li> <li>- Hoạch định chiến lược kinh doanh quốc tế</li> <li>- Thực hiện chiến lược kinh doanh quốc tế</li> <li>- Kiểm tra và đánh giá</li> </ul>	4	
<b>8.</b>	<b>Chiến lược sản xuất quốc tế</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm</li> <li>- Những áp lực khi MNC thực hiện chiến lược sản xuất quốc tế</li> <li>- Chiến lược sản xuất quốc tế</li> </ul>	3	
<b>9.</b>	<b>Chiến lược quản trị nguồn nhân lực</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm</li> <li>- Tuyển chọn và bồi dưỡng</li> <li>- Đào tạo và phát triển</li> <li>- Thu nhập</li> <li>- Quản trị chiến lược và các chiến lược quản trị nguồn nhân lực</li> </ul>	4	
<b>10.</b>	<b>Chiến lược Marketing</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá thị trường quốc tế</li> <li>- Chiến lược sản phẩm</li> <li>- Chiêu thị</li> <li>- Định giá</li> <li>- Phân phối</li> <li>- Chiến lược marketing</li> </ul>	4	
<b>11.</b>	<b>Thị trường tài chính và tiền tệ quốc tế</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những vấn đề liên quan đến thị trường ngoại hối</li> </ul>	4	



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lịch sử hình thành và phát triển hệ thống tiền tệ quốc tế</li> <li>- Tỷ giá hối đoái</li> <li>- Khả năng chuyển đổi của tiền tệ</li> </ul>		
12.	<b>Quản trị tài chính quốc tế</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản trị rủi ro tài chính</li> <li>- Lập ngân sách vốn quốc tế</li> <li>- Cơ cấu vốn quốc tế</li> <li>- Quản lý dòng tiền mặt toàn cầu</li> <li>- Chiến lược tài chính quốc tế</li> </ul>	3	
	<b>TỔNG</b>	<b>45</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- TS Bùi Lê Hà & ctg, Quản trị kinh doanh quốc tế, NXB Lao động – Xã hội, 2015.
- Slide do giảng viên cung cấp.

### ◆ Tài liệu tham khảo

- PGS.TS. Hà Nam Khánh Giao, Quản trị kinh doanh quốc tế, NXB Kinh tế, năm 2017.
- Hill, C.W.L (2007) International Business: Competing in the Global Marketplace: Asia-Pacific Edition, McGraw Hill Irwin.
- Dương Hữu Hạnh MPA, Kinh doanh quốc tế: Thách thức của cạnh tranh toàn cầu, NXB Thanh Niên, NXB Thanh Niên, 2014.

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

### ◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống,

trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.

- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

◆ **Thi kết thúc học phần**

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

◆ **Tỷ trọng đánh giá**

<b>Phương pháp đánh giá</b>	<b>Trọng số</b>
Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%

## QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC
- Mã học phần: M151603008
- Bachelor: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần: Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- + Lý thuyết: 45
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 0
- Ban giảng viên
- + TS Trần Khải Thành
- + TS Vũ Nhữ Thăng

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học giới thiệu các chức năng quản trị nguồn nhân lực nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức cần thiết để quản lý con người trong doanh nghiệp hiệu quả, bao gồm ba chức năng chủ yếu: thu hút, đào tạo và phát triển, và duy trì nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, học viên được trao dồi các kỹ năng quản lý như phân tích công việc, đánh giá kết quả làm việc, phỏng vấn ứng viên... Hoàn tất môn học, học viên sẽ có đủ khả năng dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng lao động trong một tổ chức.

### 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước:
- Học phần tiên quyết: Quản trị học
- Các kiến thức, kỹ năng khác: Các phương pháp lý luận kinh doanh, và cách tư duy khoa học mang tính logic.

## 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

### A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành

#### A.1. Kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học Tự nhiên, Xã hội và Nhân văn

- Có phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề kinh tế, kinh doanh.
- Có kiến thức Toán, Khoa học tự nhiên để ứng dụng nghiên cứu, giải quyết vấn đề của tổ chức
- Có kiến thức Khoa học xã hội và Nhân văn để ứng dụng giải quyết các vấn đề của tổ chức

#### A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh

- Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.
- Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để phân biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

### B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân

#### B.1. Kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phản biện và giải quyết vấn đề

- Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh
- Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp
- Có khả năng tổ chức thực hiện các phương án, dự án trong kinh doanh.
- Có khả năng quản lý kế hoạch hoạt động, công việc cụ thể trong kinh doanh

#### B.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh

- Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh.
- Có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh
- Có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh

- Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh

### *B.3. Tư duy có hệ thống*

- Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

### *B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp*

- Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm
- Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh
- Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

### *B.5. Kỹ năng và thái độ cá nhân*

- Chủ động và sẵn sàng chấp nhận rủi ro trong kinh doanh
- Có tính kiên trì và linh hoạt trong giải quyết vấn đề kinh doanh
- Có khả năng nhận thức về đặc điểm, tính cách và kiến thức của chính mình
- Có khả năng quản lý các nguồn lực và thời gian

## *C. Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm*

### *C.1. Kỹ năng giao tiếp và thiết lập mối quan hệ*

- Có khả năng thiết lập chiến lược giao tiếp trong bối cảnh toàn cầu
- Có khả năng thiết lập một cấu trúc giao tiếp hiệu quả với đối tác
- Có khả năng trình bày hiệu quả các vấn đề hay ý tưởng trước cộng đồng
- Có khả năng nghe với tư duy phản biện.
- Có khả năng giao tiếp bằng văn bản và giao tiếp đa phương tiện

### *C.2. Kỹ năng làm việc nhóm*

- Có khả năng hình thành nhóm làm việc độc lập

- Có khả năng tổ chức hoạt động nhóm đạt được mục tiêu
- Có khả năng phát triển nhóm
- Có kỹ năng phối hợp làm việc nhóm

#### ***D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp***

##### ***D.1. Phẩm chất cá nhân trong bối cảnh xã hội***

- Nhận thức được vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị trước cộng đồng
- Nhận thức được những kiến thức về pháp luật, lịch sử và văn hóa
- Nhận thức được những lợi ích trong kinh doanh mang lại cho xã hội
- Nhận thức được vấn đề mang tính thời sự
- Có khả năng phát triển viên cảnh toàn cầu

##### ***D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp***

- Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

### **5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

- (a) Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về quản trị nguồn nhân lực trong một tổ chức, doanh nghiệp.
- (b) Những kiến thức được trang bị của môn học này giúp học viên quản trị nguồn nhân lực một cách có hiệu quả; hoàn thiện kỹ năng và sử dụng tốt các công cụ quản trị nguồn nhân lực, có khả năng thực hiện các nghiên cứu trong lĩnh vực này.
- (c) Kết thúc môn học, học viên sẽ nắm được:
- (d) những quan điểm và xu hướng mới trong quản trị nguồn nhân lực,
- (e) hiểu được các chức năng quản trị nguồn nhân lực,
- (f) làm quen với các công cụ quản trị nguồn nhân lực,
- (g) phát triển các kỹ năng cần thiết để vận dụng trong thực tế sau này.

### **6. PHÂN BỐ THỜI GIAN**

<b>Buổi</b>	<b>Chủ đề chính</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
1.	<b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ</b>	4	

	<p style="text-align: center;"><b>NGUỒN NHÂN LỰC</b></p> <p>Khái niệm QTNNL &amp; quá trình phát triển. Mục tiêu, chức năng của QTNNL. Mô hình quản trị nguồn nhân lực. Những thách thức đối với QTNNL. Vai trò của phòng nhân lực.</p>		
2.	<p style="text-align: center;"><b>PHẦN 1: THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC</b> <b>CHƯƠNG 2: HOẠCH ĐỊNH NGUỒN NHÂN LỰC</b></p> <p>Khái niệm. Quá trình hoạch định NNL. Phân tích môi trường kinh doanh, xác định mục tiêu và chiến lược của doanh nghiệp. CL kinh doanh và CL QTNNL Phân tích hiện trạng, dự báo nhu cầu. Phân tích quan hệ cung cầu, thực hiện. Dự toán ngân sách, tinh giản biên chế. Kiểm tra, đánh giá</p>	4	
3.	<p style="text-align: center;"><b>CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH CÔNG VIỆC</b></p> <p>Khái niệm và ý nghĩa Nội dung, trình tự thực hiện Mục đích PTCV, công tác chuẩn bị và những thông tin cần thu thập Các phương pháp thu thập thông tin Bảng mô tả công việc &amp; bảng tiêu chuẩn công việc Phân tích công việc ở Việt Nam Viễn cảnh của phân tích công việc Dòng công việc và định biên nhân sự</p>	4	
4.	<p style="text-align: center;"><b>CHƯƠNG 4: QUÁ TRÌNH TUYỂN DỤNG</b></p> <p>Khái niệm Nguồn ứng viên từ nội bộ doanh nghiệp</p>	3	

	<p>Nguồn ứng viên từ bên ngoài</p> <p>Nội dung, trình tự của quá trình tuyển dụng</p> <p>Các mô hình thu hút, phân công bố trí nguồn nhân lực trong doanh nghiệp</p> <p>Đánh giá hiệu quả của hoạt động tuyển dụng</p>		
5.	<p><b>CHƯƠNG 5: KIỂM TRA, TRẮC NGHIỆM &amp; PHÒNG VẤN</b></p> <p>Kiểm tra, trắc nghiệm</p> <p>Các hình thức kiểm tra, trắc nghiệm</p> <p>Quá trình xây dựng bài trắc nghiệm</p> <p>Phòng vấn</p> <p>Các hình thức phỏng vấn</p> <p>Quá trình phỏng vấn</p> <p>Các yếu tố tác động đến phỏng vấn</p> <p>Nguyên tắc phỏng vấn</p> <p>Chỉ dẫn đối với ứng viên trong phỏng vấn</p>	4	
6.	<p><b>CHƯƠNG 6: ĐỊNH HƯỚNG &amp; PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP</b></p> <p>Mục đích</p> <p>Các giai đoạn phát triển nghề nghiệp</p> <p>Định hướng nghề nghiệp cá nhân</p> <p>Những động cơ trong nghề nghiệp</p> <p>Khả năng cá nhân</p> <p>Tìm hiểu về nghề nghiệp</p> <p>Ảnh hưởng của môi trường đến phát triển nghề nghiệp</p> <p>Thực hiện mục tiêu nghề nghiệp</p> <p>Doanh nghiệp có thể giúp gì cho nhân viên phát triển nghề nghiệp</p>	4	
7.	<p><b>CHƯƠNG 7: ĐÀO TẠO &amp; PHÁT TRIỂN</b></p> <p>Mục đích</p> <p>Khái niệm về đào tạo, phát triển</p> <p>Phân loại các hình thức đào tạo</p>	4	



	<p>Phương pháp đào tạo</p> <p>Thứ tự ưu tiên trong đào tạo và phát triển ở thế kỷ 21</p> <p>Các nguyên tắc cơ bản trong học tập</p> <p>Xác định nhu cầu đào tạo</p> <p>Thực hiện quá trình đào tạo</p> <p>Đánh giá hiệu quả đào tạo</p>		
8.	<p><b>CHƯƠNG 8: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC</b></p> <p>Mục đích</p> <p>Nội dung, trình tự thực hiện</p> <p>Các phương pháp đánh giá kết quả thực hiện công việc</p> <p>Đánh giá năng lực nhân viên</p> <p>Nâng cao hiệu quả đánh giá kết quả thực hiện công việc</p> <p>Phỏng vấn đánh giá</p> <p>Đánh giá thi đua các phòng ban, bộ phận</p>	3	
9.	<p><b>CHƯƠNG 9: TRẢ CÔNG LAO ĐỘNG</b></p> <p>Khái niệm</p> <p>Cơ cấu thu nhập</p> <p>Mục tiêu của hệ thống tiền lương</p> <p>Các hình thức tiền lương</p> <p>Tiền lương kích thích trong doanh nghiệp</p> <p>Tiền lương trong các thị trường lao động</p> <p>Các yếu tố ảnh hưởng đến trả lương</p> <p>Yếu tố luật pháp trong trả lương lao động ở VN</p> <p>Tiền lương và thu nhập trong khu vực quốc doanh ở Việt Nam</p> <p>Chính sách tiền lương trong doanh nghiệp</p> <p>Nội dung, trình tự xây dựng bảng lương tổng quát</p>	4	

10.	<p><b>CHƯƠNG 10: QUAN HỆ LAO ĐỘNG</b></p> <p>Công đoàn</p> <p>Thỏa ước lao động tập thể</p> <p>Tranh chấp lao động</p> <p>Công nhân tham gia quản lý doanh nghiệp</p> <p>Quan hệ lao động quốc tế</p> <p>Tìm hiểu quan điểm nhân viên</p>	4	
11.	<p>PHẦN 4: : QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG MÔI TRƯỜNG HIỆN ĐẠI</p> <p><b>CHƯƠNG 11: QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC QUỐC TẾ</b></p> <p>Thế nào là QTNNL quốc tế</p> <p>Thực tiễn QTNNL trong các môi trường văn hóa khác nhau</p> <p>Tiến trình toàn cầu hóa của DN và định hướng chiến lược NNL</p> <p>Điều hành QTNNL quốc tế</p> <p>Tuyển chọn và đào tạo nhân sự công tác nước ngoài</p> <p><b>CHƯƠNG 12: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QTNNL</b></p> <p>Yêu cầu đối với đánh giá kết quả QTNNL</p> <p>Đánh giá kết quả QTNNL</p> <p>Các chỉ số then chốt đo lường kết quả thực hiện công việc</p>	4	
12.	Ôn tập	3	
	<b>TỔNG</b>	<b>45</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- Trần Kim Dung (2015), Quản Trị Nguồn nhân lực, Nhà xuất bản Tổng hợp, TP.HCM.
- Slide do giảng viên cung cấp.

◆ **Tài liệu tham khảo**

- Nguyễn Hữu Thân (2012), Quản trị nhân sự, NXB Lao động - Xã hội
- Phạm Hùng Cường (2013), Quản Trị Nguồn nhân lực, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia HCMC
- Bùi Văn Danh (2011), Quản trị nguồn nhân lực, NXB Đông Phương, TP.HCM.

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

◆ **Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)**

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.
- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

◆ **Thi kết thúc học phần**

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

◆ **Tỷ trọng đánh giá**

Phương pháp đánh giá	Trọng số
Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%

Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%

# QUẢN TRỊ SẢN XUẤT

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: QUẢN TRỊ SẢN XUẤT
- Mã học phần: M151603009
- Cấp đào tạo: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần:
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- + Lý thuyết: 45
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 0
- Ban giảng viên
- + TS Lưu Trường Kháng
- + PGS TS Đồng Thị Thanh Phương
- + TS Trần Khải Thành
- + TS Đinh Bá Hùng Anh

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Sản xuất là tạo ra hàng hóa và dịch vụ. Quản trị vận hành là tập hợp các hoạt động tạo ra giá trị dưới dạng hàng hóa hay dịch vụ, bằng cách chuyển đổi các đầu vào thành các đầu ra. Các hoạt động sản xuất hàng hóa, dịch vụ diễn ra trong tất cả các tổ chức. Trong các doanh nghiệp sản xuất, hoạt động sản xuất hàng hóa thường quá hiển nhiên. Trong các doanh nghiệp này, chúng ta có thể quan sát được quá trình sản xuất các sản phẩm hữu hình, ví dụ như hãng lắp ráp ô tô Toyota, hay lắp ráp xe máy Honda.

Với những doanh nghiệp không tạo ra sản phẩm hữu hình (dịch vụ) thì chức năng sản xuất có thể kém rõ ràng hơn. Khi dịch vụ được thực hiện, thường không có sản phẩm hữu hình nào được sản xuất. Thay vào đó, sản phẩm có thể có các dạng như chuyển tiền từ tài khoản tiết kiệm sang tài khoản séc, việc cấy ghép gan, xếp chỗ ngồi trên máy bay, hay việc đào tạo học viên. Bất kể sản phẩm cuối cùng là hàng hóa hay dịch vụ, các hoạt động sản xuất diễn ra trong doanh nghiệp thường được đề cập như hoạt động vận hành hay quản trị vận hành.

Môn học có nội dung bao gồm: Quản lý chất lượng, Hoạch định quy trình, Bố trí mặt bằng, Hoạch định tổng hợp, Hoạch định yêu cầu vật tư, Điều độ sản xuất, Hoạch định tồn kho, Tinh gọn hệ thống sản xuất.

### 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước:
- Học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô
- Các kiến thức, kỹ năng khác: .....

### 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

#### A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành

##### A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh

- Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.
- Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để phân biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

#### B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân

##### B.1. Kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phản biện và giải quyết vấn đề

- Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh
- Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp
- Có khả năng tổ chức thực hiện các phương án, dự án trong kinh doanh.
- Có khả năng quản lý kế hoạch hoạt động, công việc cụ thể trong kinh doanh

##### B.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh

- Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh.
- Có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh
- Có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh

- Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh

### *B.3. Tư duy có hệ thống*

- Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

### *B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp*

- Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm
- Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh
- Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

## ***D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp***

### *D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp*

- Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

## **5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

Môn học trang bị các kiến thức cơ bản để ra quyết định trong quản lý sản xuất từ các vấn đề nhận dạng nhu cầu khách hàng như Quản lý chất lượng đến các vấn đề chiến lược như Hoạch định quy trình, Hoạch định tổng hợp, bố trí mặt bằng; đến các vấn đề chiến thuật như Hoạch định tồn kho, Hoạch định yêu cầu vật tư, Tinh gọn hệ thống sản xuất.

Sau khi học xong môn học, học viên sẽ có khả năng tốt hơn trong việc:

- (a) Trình bày được quy trình lập kế hoạch sản xuất từ việc dự báo, kế hoạch tổng hợp đến kế hoạch vật liệu, năng lực sản xuất, và lao động.
- (b) Áp dụng được kiến thức của quản trị vận hành vào một doanh nghiệp cụ thể. Ví dụ: phân tích được chuỗi cung ứng của doanh nghiệp; phân tích được quy trình sản xuất và bố trí mặt bằng, địa điểm sản xuất của doanh nghiệp; hoạch định được kế hoạch vật tư, tồn kho, kế hoạch nguồn lực; phân tích được hệ thống công việc; lập được lịch trình sản xuất.
- (c) Trình bày và lý giải được được hệ thống JIT, hệ thống sản xuất tinh giản
- (d) Sử dụng được 7 công cụ quản lý chất lượng, trình bày được một số hệ thống tiêu chuẩn chất lượng thông dụng như ISO 9000, ISO 14000
- (e) Giải thích được và vận dụng được một số công cụ quản trị dự án vào công việc. Đó là quản trị tổng hợp dự án, quản trị phạm vi dự án, quản trị thời gian thực hiện dự án, quản trị chi phí dự án, quản trị chất lượng dự án, quản trị nguồn nhân lực của dự án, quản trị rủi ro, quản trị truyền thông và giao tiếp, quản trị giá trị kiếm được của dự án.
- (f) Sử dụng được những phần mềm thông dụng hỗ trợ quản trị vận hành.
- (g) Sử dụng được các kỹ thuật quản trị dự án, sử dụng được phần mềm Microsoft Project trong quản lý dự án

## 6. PHÂN BỐ THỜI GIAN

Buổi	Chủ đề chính	Số tiết	Ghi chú
1.	<b>Chương 1: GIỚI THIỆU</b> - Sản xuất - Quản lý sản xuất - Năng suất - Chiến lược sản xuất.	4	
2.	<b>Chương 2: HOẠCH ĐỊNH QUY TRÌNH/CÔNG SUẤT</b> - Quy trình sản xuất - Quy trình dịch vụ - Phân tích cân bằng - Chọn lựa công nghệ.	4	
3.	<b>Chương 3: HOẠCH ĐỊNH TỔNG HỢP</b>	4	



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạch định tổng hợp</li> <li>- Chiến lược hoạch định tổng hợp</li> <li>- Phương pháp hoạch định tổng hợp</li> <li>- Hoạch định tổng hợp trong dịch vụ .</li> </ul>		
4.	<b>Chương 4: BỐ TRÍ MẶT BẰNG</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Định nghĩa bố trí mặt bằng</li> <li>- Bố trí mặt bằng văn phòng</li> <li>- Bố trí mặt bằng kho</li> <li>- Mặt bằng nhóm</li> <li>- Mặt bằng kiểu dây chuyền.</li> </ul>	3	
5.	<b>Chương 5: HOẠCH ĐỊNH TỒN KHO</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiến lược quản lý tồn kho</li> <li>- Phân tích ABC</li> <li>- Lượng đặt hàng kinh tế EOQ</li> <li>- Mô hình chiết khấu số lượng</li> <li>- Tồn kho an toàn.</li> </ul>	4	
6.	<b>Chương 6: HOẠCH ĐỊNH YÊU CẦU VẬT TƯ MRP</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật tư phụ thuộc</li> <li>- Hoạch định yêu cầu vật tư</li> </ul>	4	
7.	<b>Chương 6: HOẠCH ĐỊNH YÊU CẦU VẬT TƯ MRP</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định kích cỡ lô</li> <li>- Hoạch định yêu cầu vật tư trong dịch vụ.</li> </ul>	4	
8.	<b>Chương 7: HỆ THỐNG SẢN XUẤT KHỚP THỜI GIAN JIT</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai 5s cho doanh nghiệp</li> <li>- Hệ thống sản xuất khớp thời gian JIT.</li> </ul>	3	
9.	<b>Chương 7: HỆ THỐNG SẢN XUẤT KHỚP THỜI GIAN JIT</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống sản xuất tinh gọn LEAN.</li> </ul>	4	
10.	<b>Chương 8: ĐIỀU ĐỘ SẢN XUẤT</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều độ sản xuất</li> <li>- Điều độ sản xuất gián đoạn</li> </ul>	4	
11.	<b>Chương 8: ĐIỀU ĐỘ SẢN XUẤT</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều độ sản xuất lập lại</li> </ul>	4	

	- Điều độ dịch vụ.		
12.	- Ôn tập	3	
	<b>TỔNG</b>	<b>45</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- Jay Heizer, Barry Render, Operation Management, 11th Edition, Pearson, 2013,
- Bài giảng của giảng viên.

### ◆ Tài liệu tham khảo

- Đặng Minh Trang - Lưu Đan Thọ, “Quản trị vận hành hiện đại (Quản trị sản xuất và dịch vụ), NXB Tài chính, 2015
- Đinh Bá Hùng Anh, “Quản trị Vận Hành”, NXB Kinh Tế Tp. HCM 2016.
- Đồng Thị Thanh Phương, “Quản trị sản xuất và dịch vụ”, NXB. Lao động & Xã hội, 2011.

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

### ◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.
- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.

- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

◆ **Thi kết thúc học phần**

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

◆ **Tỷ trọng đánh giá**

<b>Phương pháp đánh giá</b>	<b>Trọng số</b>
Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%

# QUẢN TRỊ DỰ ÁN

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: QUẢN TRỊ DỰ ÁN
- Mã học phần: M151603010
- Bachelor: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần:
- Số tín chỉ: 3 (2,1)
- + Lý thuyết: 30
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 30
- Ban giảng viên
- + TS Vũ Tiến Ban
- + TS Huỳnh Thanh Điền

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức cần thiết về dự án và quản lý dự án; Giới thiệu các công cụ và kiến thức hiện đại trong tất cả các quy trình của việc thực hiện một dự án như: chọn lựa, lập kế hoạch, lên lịch, triển khai thực hiện, quản lý điều hành, quản lý rủi ro... và đánh giá hiệu quả của một dự án cũng như hiệu quả của công tác quản lý dự án. Môn học cũng yêu cầu học viên liên hệ thực tiễn bằng cách dùng những phương pháp được hướng dẫn trong bài học để vận dụng và phân tích trên những dự án thực sự đã, đang và sắp triển khai trên thực tế. Một số công cụ chuyên biệt thường được dùng trong công tác quản lý dự án cũng được giới thiệu và đề cập trong môn học như: LRC, Gantt chart, CPM, PERT, Line of balance... Cuối cùng, môn học cung cấp bổ sung một số kiến thức riêng cần thiết trong quản trị dự án quốc tế sau khi học viên đã có những hiểu biết nhất định về quản lý dự án nói chung.

## 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước:
- Học phần tiên quyết: Quản trị tài chính doanh nghiệp

- Các kiến thức, kỹ năng khác:

#### **4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

##### ***A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành***

##### ***A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh***

- Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.
- Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để phản biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

##### ***B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân***

##### ***B.1. Kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phản biện và giải quyết vấn đề***

- Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh
- Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp
- Có khả năng tổ chức thực hiện các phương án, dự án trong kinh doanh.
- Có khả năng quản lý kế hoạch hoạt động, công việc cụ thể trong kinh doanh

##### ***B.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh***

- Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh.
- Có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh
- Có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh
- Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh

##### ***B.3. Tư duy có hệ thống***

- Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp

- Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

#### *B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp*

- Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm
- Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh
- Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

#### *C. Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm*

##### *C.2. Kỹ năng làm việc nhóm*

- Có khả năng hình thành nhóm làm việc độc lập
- Có khả năng tổ chức hoạt động nhóm đạt được mục tiêu
- Có khả năng phát triển nhóm
- Có kỹ năng phối hợp làm việc nhóm

#### *D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp*

##### *D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp*

- Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

## **5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

Môn học trang bị cho học viên kiến thức căn bản về quản trị dự án, từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc dự án. Giai đoạn khởi xướng dự án bao gồm các vấn đề như xem xét đánh giá để lựa chọn dự án, thiết kế tổ chức dự án; trong giai đoạn tổ chức thực hiện dự án bao gồm việc lập kế hoạch, ước tính ngân sách, lập tiến độ dự án, phân bổ nguồn lực, giám sát và kiểm soát quá trình thực hiện dự án; giai đoạn cuối cùng là kết thúc dự án.

Sau khi học xong, học viên có thể:

- (a) Nắm được quy trình phát triển dự án từ ý tưởng đến đưa
- (b) vào vận hành khai thác.
- (c) Lựa chọn dự án
- (d) Thiết kế tổ chức triển khai dự án.
- (e) Xây dựng được kế hoạch triển khai dự án.
- (f) Lãnh đạo, điều khiển và đánh giá kết quả thực hiện dự án.
- (g) Quản trị rủi ro và hợp đồng trong dự án.
- (h) Kiểm soát và kết thúc dự án.

## 6. PHÂN BỐ THỜI GIAN

Buổi	Chủ đề chính	Số tiết	Ghi chú
1.	<p><b>Chương 1: Tổng quan về dự án và quản lý dự án</b></p> <p>+ Giới thiệu khái niệm và những đặc điểm của dự án; đặc điểm của dự án quốc tế</p> <p>+ Phân loại dự án</p> <p>+ Phân biệt dự án với một số tổ chức và công việc khác</p>	4	
2.	<p><b>Chương 1: Tổng quan về dự án và quản lý dự án (tiếp theo)</b></p> <p>+ Những nội dung cơ bản của việc quản lý 1 dự án</p> <p>+ Giới thiệu một số công cụ hiện đại thường được sử dụng để quản lý dự án.</p> <p>+ Các thành phần kết cấu và cách thức tổ chức của một dự án</p> <p>+ Những yếu tố góp phần tạo nên sự thất bại hay thành công của một dự án.</p>	4	
3.	<p><b>Chương 2: Khởi động dự án</b></p> <p>+ Những khái niệm và các bước để bắt đầu thực hiện</p>	4	

	<p>một dự án</p> <p>+ Các bước xác định những vấn đề liên quan và lập hồ sơ một dự án, những nội dung nghiên cứu tiên khả thi cho một dự án</p>		
4.	<p><b>Chương 2: Khởi động dự án (tiếp theo)</b></p> <p>+ Phương thức dự toán chi phí dự án</p> <p>+ Các phương thức thực hiện và đàm phán ký kết hợp đồng thực hiện dự án</p> <p>+ Quản lý rủi ro, quản lý rủi ro trong dự án quốc tế.</p>	3	
5.	<p><b>Chương 3: Đánh giá và chọn lựa dự án</b></p> <p>+ Giới thiệu một số phương thức đánh giá dự án</p> <p>+ Sơ đồ quy trình đánh giá và chọn lọc dự án</p> <p>+ Các phương pháp chọn lọc dự án.</p>	4	
6.	<p><b>Chương 4: Lập kế hoạch và lên lịch thực hiện dự án</b></p> <p>+ Kế hoạch và những lý do phải lên kế hoạch thực hiện dự án.</p> <p>+ Những thành phần cơ bản của một kế hoạch thực hiện dự án;</p> <p>+ Các công cụ phục vụ công tác lập kế hoạch và lên lịch thực hiện dự án;</p> <p>+ Giới thiệu Phương pháp “Phân tích mạng lưới” (Network analysis)</p>	4	
7.	<p><b>Chương 4: Lập kế hoạch và lên lịch thực hiện dự án (tiếp theo)</b></p> <p>+ Phương pháp đường găng CPM</p> <p>+ Phương pháp PERT</p>	4	
8.	<p><b>Chương 4: Lập kế hoạch và lên lịch thực hiện dự án</b></p>	3	



	(tiếp theo) + Phân bổ nguồn lực cho dự án + Chi phí rút ngắn dự án.		
9.	<b>Chương 5: Giải quyết sự cố phát sinh trong thực hiện dự án</b> + Khái niệm về sự cố và đặc điểm của sự cố phát sinh trong dự án. + Quá trình nhận dạng, phân tích sự cố + Quy trình ra quyết định + Bài tập tình huống liên hệ thực tế.	4	
10.	<b>Chương 6: Kiểm soát dự án</b> + Giới thiệu những khái niệm cơ bản + Chỉ số chi phí (CPI) và thời gian (SPI) của dự án. + Giới thiệu “Đường cân bằng” trong kiểm soát dự án.	4	
11.	<b>Chương 7: Quản lý dự án quốc tế</b> + Phân biệt thế nào là dự án quốc tế; + Những vấn đề cần lưu ý trong quản lý dự án quốc tế; + Một số hướng dẫn cho việc quản lý dự án quốc tế; + Liên hệ một số chu trình thực hiện dự án thông thường với dự án quốc tế.	4	
12.	<b>Ôn tập</b>	3	
	<b>TỔNG</b>	<b>45</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- Gray and Larson, Project Management (6th edition), McGraw-Hill, 2013
- Bài giảng của Giảng viên

**◆ Tài liệu tham khảo:**

- Đinh Thế Hiển, “Lập và Thẩm định dự án đầu tư”, NXB. Thống kê 2015;
- Cao Hào Thi, “Quản trị dự án”, NXB. ĐH Quốc Gia Tp. HCM 2012.
- Cẩm nang kinh doanh Harvard (2012), Quản lý dự án lớn và nhỏ, NXB Tổng Hợp TP HCM.
- Nguyễn Tấn Bình (2016), Quản lý dự án, NXB Kinh tế
- Lưu Trường Văn, Lê Hoài Long (2006), Ứng dụng MS Project 2003 trong quản lý dự án xây dựng, NXB LĐ-XH
- Phần mềm Microsoft Project các phiên bản 2010 hoặc 2013

**8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ****◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)**

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.
- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

**◆ Thi kết thúc học phần**

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

– Thời gian làm bài 90 phút.

◆ Tỷ trọng đánh giá

<b>Phương pháp đánh giá</b>	<b>Trọng số</b>
Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%

# QUẢN TRỊ MARKETING

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: QUẢN TRỊ MARKETING
- Mã học phần: M151603011
- Bachelor: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần:
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- + Lý thuyết: 45
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 0
- Ban giảng viên
- + TS Bùi Phi Hùng
- + PGS TS Nguyễn Xuân Minh

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần đề cập đến nội dung về: Các quan điểm quản trị Marketing; Nghiên cứu thị trường và xác định cơ hội Marketing; Quản trị các công cụ của hoạt động Marketing; tổ chức thực hiện, kiểm tra và đánh giá được hiệu quả của một chiến lược Marketing.

## 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước: Quản trị học, Marketing căn bản
- Học phần tiên quyết: Quản trị kinh doanh quốc tế
- Các kiến thức, kỹ năng khác: Khả năng tự nghiên cứu

## 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

### A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành

#### A.2. Kiến thức cơ sở trong lĩnh vực kinh tế

- Có kiến thức cơ bản về lý thuyết kinh tế cả vi mô, cả vĩ mô và quản lý
- Có kiến thức tài chính và kế toán để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý.
- Có khả năng hiểu và hệ thống hóa kiến thức cơ bản trong kinh tế và kinh doanh

### *A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh*

- Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.
- Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để phân biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

### *B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân*

#### *B.1. Kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phản biện và giải quyết vấn đề*

- Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh
- Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp
- Có khả năng tổ chức thực hiện các phương án, dự án trong kinh doanh.
- Có khả năng quản lý kế hoạch hoạt động, công việc cụ thể trong kinh doanh

#### *B.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh*

- Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh.
- Có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh
- Có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh
- Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh

#### *B.3. Tư duy có hệ thống*

- Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

#### *B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp*

- Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm
- Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh
- Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

#### *B.5. Kỹ năng và thái độ cá nhân*

- Chủ động và sẵn sàng chấp nhận rủi ro trong kinh doanh
- Có tính kiên trì và linh hoạt trong giải quyết vấn đề kinh doanh
- Có khả năng nhận thức về đặc điểm, tính cách và kiến thức của chính mình
- Có khả năng quản lý các nguồn lực và thời gian

### *C. Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm*

#### *C.1. Kỹ năng giao tiếp và thiết lập mối quan hệ*

- Có khả năng thiết lập chiến lược giao tiếp trong bối cảnh toàn cầu
- Có khả năng thiết lập một cấu trúc giao tiếp hiệu quả với đối tác
- Có khả năng trình bày hiệu quả các vấn đề hay ý tưởng trước cộng đồng
- Có khả năng nghe với tư duy phản biện.
- Có khả năng giao tiếp bằng văn bản và giao tiếp đa phương tiện

#### *C.2. Kỹ năng làm việc nhóm*

- Có khả năng hình thành nhóm làm việc độc lập
- Có khả năng tổ chức hoạt động nhóm đạt được mục tiêu
- Có khả năng phát triển nhóm
- Có kỹ năng phối hợp làm việc nhóm

### *D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp*

#### *D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp*

- Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh

— Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

## 5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

- Hiểu được tiến trình Quản trị Marketing.
- Phân tích các yếu tố môi trường bên trong, bên ngoài ảnh hưởng tới hoạt động Marketing. Từ đó nhận diện được các cơ hội của môi trường kinh doanh.
- Hiểu rõ cách thức xây dựng, triển khai và quản trị các chiến lược Marketing.
- Đánh giá được hiệu quả chiến lược Marketing của doanh nghiệp.

## 6. PHÂN BỐ THỜI GIAN

Buổi	Chủ đề chính	Số tiết	Ghi chú
1.	<b>Chương 1: Những vấn đề cơ bản về Quản trị Marketing</b> Những triết lý của Quản trị Marketing Vai trò của Quản trị Marketing Tiến trình Quản trị Marketing	4	
2.	<b>Chương 2: Nghiên cứu cơ hội Marketing</b> Hệ thống thông tin Marketing và nghiên cứu Marketing Phân tích môi trường Marketing Thu thập dữ liệu Xử lý và phân tích dữ liệu	4	
3.	<b>Chương 3: Nghiên cứu và lựa chọn thị trường mục tiêu</b> Đo lường và dự báo nhu cầu Lựa chọn thị trường mục tiêu Định vị thị trường Thiết kế các chiến lược Marketing Thiết kế chiến lược đối với thị trường toàn cầu	4	
4.	<b>Chương 4: Quản trị chiến lược sản phẩm</b> Thiết kế chủng loại, nhãn hiệu, bao bì sản phẩm Tạo sự khác biệt của sản phẩm	3	
5.	<b>Chương 4: Quản trị chiến lược sản phẩm</b> Phát triển sản phẩm mới Các chiến lược theo chu kỳ sống sản phẩm	4	

6.	<b>Chương 5: Quản trị chiến lược giá</b> Giá cả sản phẩm Quy trình xác định giá	4	
7.	<b>Chương 5: Quản trị chiến lược giá</b> Các chiến lược điều chỉnh giá Thay đổi giá	4	
8.	<b>Chương 6: Thiết kế và quản trị kênh phân phối</b> Bản chất của kênh phân phối Quyết định thiết kế kênh	3	
9.	<b>Chương 6: Thiết kế và quản trị kênh phân phối</b> Quyết định về quản lý kênh Động thái của kênh	4	
10.	<b>Chương 7: Quản trị chiến lược truyền thông cổ động</b> Thiết kế chương trình truyền thông và khuyến mãi Thiết kế chương trình quảng cáo	4	
11.	<b>Chương 7: Quản trị chiến lược truyền thông cổ động</b> Thiết kế chương trình Marketing trực tiếp Quản lý lực lượng bán hàng	4	
12.	<b>Chương 8: Tổ chức thực hiện và kiểm tra hoạt động Quản trị Marketing</b> Tổ chức và thực hiện chiến lược Marketing Đánh giá và kiểm tra hoạt động Marketing	3	
	<b>TỔNG</b>	<b>45</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- Quản trị marketing, Trương Đình Chiến, NXB ĐHKQTĐ, 2014
- Slide do giảng viên cung cấp.

### ◆ Tài liệu tham khảo:

- Quản trị Marketing, P.Kotler, Nxb Lao động - Xã hội, 2013
- Thấu Hiểu Tiếp Thị Từ A Đến Z, P.Kotler, NXB Trẻ, 2016



- Kotler Bàn Về Tiếp Thị, P.Kotler, NXB Trẻ, 2015

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

### ◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.
- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

### ◆ Thi kết thúc học phần

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

### ◆ Tỷ trọng đánh giá

Phương pháp đánh giá	Trọng số
Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%

# QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG

- Mã học phần: M151603012
- Bậc đào tạo: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần:
- Số tín chỉ: 3 (2,1)
- + Lý thuyết: 30
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 30
- Ban giảng viên
- + TS Đinh Bá Hùng Anh

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp thiết kế & xây dựng và quản lý chuỗi cung ứng. Điểm trọng yếu ở đây là giúp học viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn & có vai trò rất quan trọng trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay.

## 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước:
- Học phần tiên quyết: Quản trị sản xuất
- Các kiến thức, kỹ năng khác:

## 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

### *A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành*

#### *A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh*

- Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.

- Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để phản biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

## ***B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân***

### ***B.1. Kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phản biện và giải quyết vấn đề***

- Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh
- Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp
- Có khả năng tổ chức thực hiện các phương án, dự án trong kinh doanh.
- Có khả năng quản lý kế hoạch hoạt động, công việc cụ thể trong kinh doanh

### ***B.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh***

- Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh.
- Có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh
- Có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh
- Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh

### ***B.3. Tư duy có hệ thống***

- Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

### ***B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp***

- Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm
- Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh

- Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

#### ***D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp***

##### ***D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp***

- Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

### **5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

Môn học trang bị cho học viên kiến thức căn bản về quản trị chuỗi cung ứng. Rèn luyện cho học viên kiến thức và kỹ năng về xây dựng quản lý và điều hành chuỗi cung ứng..Sau khi học xong, học viên có thể:

- (a) Hiểu được đây là một ngành học, một khoa học, một nghề chuyên môn rất mới trên thế giới & ở Việt Nam.
- (b) Nắm bắt các lý thuyết sử dụng trong công tác quản lý chuỗi cung ứng để áp dụng trong thực hành nghề nghiệp.
- (c) Hiểu được các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích & phương pháp quản lý chuỗi cung ứng.
- (d) Tiếp cận các kỹ thuật, công nghệ thiết kế & xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng.
- (e) Đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng.

### **6. PHÂN BỐ THỜI GIAN**

<b>Buổi</b>	<b>Chủ đề chính</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1.</b>	<b>Chương 1: Tổng quan</b> Chuỗi cung ứng trong nền kinh tế hiện đại Vị trí và vai trò Nội dung cơ bản của quản trị cung ứng Đối tượng và nội dung nghiên cứu môn học	4	

2.	<b>Chương 2: Hoạt động chuỗi cung ứng</b> Dự báo (Trung bình động, Holts, Winters) Hoạch định tổng hợp Định giá sản phẩm.	4	
3.	<b>Chương 2: Hoạt động chuỗi cung ứng (tiếp theo)</b> Tồn kho trong chuỗi cung ứng Vai trò và chức năng kho Chiến lược tồn trữ Hệ thống bảo quản và các loại kho hàng hoá.	4	
4.	<b>Chương 2: Hoạt động chuỗi cung ứng (tiếp theo)</b> Quản lý nguồn cung Tín dụng Quản lý đơn hàng.	3	
5.	<b>Chương 3: Thông tin trong chuỗi cung ứng</b> Hiệu ứng lượng dư tồn kho <i>Bullwhip</i> Đối phó với hiệu ứng Bullwhip Mô hình CPFR Chuỗi cung ứng tinh giảm	4	
6.	<b>Chương 4: Lựa chọn địa điểm trong chuỗi cung ứng</b> Lựa chọn địa điểm trung tâm phân phối Phân phối trực tiếp	4	
7.	<b>Chương 4: Lựa chọn địa điểm trong chuỗi cung ứng (tiếp theo)</b> Hệ thống vận chuyển (phân loại, các thành phần) Bài toán vận tải.	4	
8.	<b>Chương 5: Hợp đồng cung ứng và liên minh chiến lược</b> Hợp đồng khi thiếu thông tin dự báo Hợp đồng đối với sản phẩm chiến lược	3	

9.	<b>Chương 5: Hợp đồng cung ứng và liên minh chiến lược (tiếp theo)</b> Hợp đồng đối với sản phẩm thông thường Liên minh chiến lược.	4	
10.	<b>Chương 6: Chiến lược mua hàng và thuê ngoài</b> Lợi ích và rủi ro của thuê ngoài Mô hình quyết định Chiến lược mua hàng.	4	
11.	<b>Chương 7: Đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng</b> Thị trường Hiệu quả Hoạt động giúp chuỗi hiệu quả.	4	
12.	<b>Ôn tập</b>	3	
	<b>TỔNG</b>	<b>45</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- Sinil Chopra, Peter Meindl, “Supply chain management: Strategy, Planning, and Operation”, NXB Pearson 2016
- Bài giảng của Giảng viên

### ◆ Tài liệu tham khảo:

- TS. Nguyễn Thành Hiếu, Quản trị chuỗi cung ứng, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2015.
- Đoàn Thị Hồng Vân, Nguyễn Xuân Minh, Kim Ngọc Đạt, “Quản trị chuỗi cung ứng”, NXB. Tổng hợp Tp. HCM 2011.
- Đinh Bá Hùng Anh, “Quản trị chuỗi cung ứng”, NXB Kinh tế 2016.

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

### ◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động

thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.

- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.
- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

#### ◆ Thi kết thúc học phần

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

#### ◆ Tỷ trọng đánh giá

Phương pháp đánh giá	Trọng số
Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%

# PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRONG KINH DOANH

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRONG KINH DOANH
- Mã học phần: M151603013
- Bậc đào tạo: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần:
- Số tín chỉ: 3 (2,1)
- + Lý thuyết: 30
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 30
- Ban giảng viên
- + TS Nguyễn Quyết Chiến
- + TS Phạm Đình Trung

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Một trong những kỹ năng thiết yếu mà học viên ngành kinh tế cần có là khả năng phân tích vấn đề và cách thức giải quyết vấn đề kinh tế. Môn học phương pháp nghiên cứu sẽ giúp học viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề nghiên cứu, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đó, chuyển vấn đề thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu để trả lời câu hỏi nghiên cứu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Học viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu, và cách thức nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề.
- Do đó kết quả nghiên cứu không thể giải thích toàn bộ, nó chỉ mang giá trị giải thích một phần hiện thực. Thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế là cách tốt nhất để học môn học này.

## 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước:
- Học phần tiên quyết: Các môn kinh tế vi mô, vĩ mô, các môn chuyên ngành; Các môn thống kê, kinh tế lượng;



- Các kiến thức, kỹ năng khác: Khả năng tự học và sử dụng các phần mềm thống kê như EViews, SPSS. Kiến thức sử dụng máy tính văn phòng và phần mềm bảng tính Excel;

#### **4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

##### ***A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành***

###### ***A.1. Kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học Tự nhiên, Xã hội và Nhân văn***

- — Có phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề kinh tế, kinh doanh.
- — Có kiến thức Toán, Khoa học tự nhiên để ứng dụng nghiên cứu, giải quyết vấn đề của tổ chức
- — Có kiến thức Khoa học xã hội và Nhân văn để ứng dụng giải quyết các vấn đề của tổ chức

###### ***A.2. Kiến thức cơ sở trong lĩnh vực kinh tế***

- — Có kiến thức cơ bản về lý thuyết kinh tế cả vi mô, cả vĩ mô và quản lý
- — Có kiến thức tài chính và kế toán để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý.
- — Có khả năng hiểu và hệ thống hóa kiến thức cơ bản trong kinh tế và kinh doanh

###### ***A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh***

- — Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- — Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.
- — Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- — Khả năng ứng dụng kiến thức để phân biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- — Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

## ***B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân***

### ***B.3. Tư duy có hệ thống***

- — Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- — Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- — Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- — Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

### ***B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp***

- — Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm
- — Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh
- — Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- — Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

## ***D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp***

### ***D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp***

- — Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- — Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- — Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- — Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- — Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

### ***D.3. Khả năng học suốt đời***

- — Có ý thức tham gia vào các hoạt động rèn luyện sức khỏe, trí tuệ và tinh thần
- — Có khả năng tự học hỏi và cập nhật kiến thức mới vào kinh doanh
- — Có khả năng xây dựng mục tiêu cá nhân với sự phát triển nghề nghiệp

- — Có khả năng vận dụng các phương pháp, các công cụ để tự nghiên cứu
- Có khả năng nắm bắt và vận dụng công nghệ mới đáp ứng mục tiêu nghề nghiệp.

## 5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

Sau khi học xong, học viên có thể:

- (a) Học viên nắm được mục tiêu, bản chất của nghiên cứu khoa học và áp dụng phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh
- (b) Hiểu rõ về quy trình thiết kế một nghiên cứu và xây dựng báo cáo nghiên cứu
- (c) Hiểu rõ về việc lập kế hoạch nghiên cứu, xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu
- (d) Hiểu rõ về cấu trúc cơ bản của một nghiên cứu
- (e) Nắm được các phương pháp thường được sử dụng trong nghiên cứu kinh tế
- (f) Nắm được cách thức thu thập và xử lý số liệu
- (g) Biết cách viết một báo cáo kết quả khoa học
- (h) Biết cách xây dựng và trình bày một luận văn

## 6. PHÂN BỐ THỜI GIAN

Buổi	Chủ đề chính	Số tiết	Ghi chú
1.	<b>CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b> Khoa học và nghiên cứu khoa học Khái niệm và phân loại khoa học Khái niệm và phân loại nghiên cứu khoa học Phương pháp nghiên cứu khoa học Khái niệm chung Các mô hình nghiên cứu cơ bản Một số phương pháp nghiên cứu cơ bản Đặc điểm của nghiên cứu khoa học trong kinh tế- kinh doanh Câu hỏi ôn tập	4	

2.	<p><b>CHƯƠNG 2 QUY TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ LẬP ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU</b></p> <p>Quy trình tiến hành nghiên cứu khoa học          Lựa chọn chủ đề nghiên cứu          Xác định qui mô - phạm vi, giới hạn chủ đề nghiên cứu          Thiết kế, lập kế hoạch, lên quy trình, tiến độ thực hiện          Thu thập và xử lý dữ liệu thông tin đầu vào          Phân tích số liệu, dữ liệu          Viết báo cáo nghiên cứu</p>	4	
3.	<p><b>CHƯƠNG 2 QUY TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ LẬP ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU</b></p> <p>Kết quả của nghiên cứu khoa học          Các hình thức trình bày kết quả nghiên cứu khoa học          Một số tiêu chuẩn đánh giá kết quả của một cuộc NCKH          Chọn lựa đề tài nghiên cứu          Xác định vấn đề nghiên cứu          Từ vấn đề nghiên cứu đến đề tài nghiên cứu          Các tiêu chí chọn đề tài          Sai lầm thường gặp khi chọn đề tài nghiên cứu</p>	4	
4.	<p><b>CHƯƠNG 2 QUY TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ LẬP ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU</b></p> <p>Câu hỏi nghiên cứu          Câu hỏi nghiên cứu          Giả thuyết nghiên cứu          Lập đề cương nghiên cứu          Các yếu tố của một đề cương nghiên cứu          Đặt vấn đề nghiên cứu          Xác định các mục tiêu nghiên cứu</p>	3	

	<p>Phạm vi nghiên cứu của đề tài (Thời gian, không gian, đối tượng, đặc tính v.v...)</p> <p>Xác định giả thuyết nghiên cứu và các hỏi nghiên cứu</p> <p>Xây dựng khung nghiên cứu</p> <p>Phác thảo đề cương nghiên cứu</p>		
5.	<p><b>CHƯƠNG 2 QUY TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ LẬP ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU</b></p> <p>Lập kế hoạch nghiên cứu</p> <p>Lựa chọn mô hình nghiên cứu</p> <p>Lựa chọn phương pháp nghiên cứu</p> <p>Xác định đối tượng và đặc điểm nghiên cứu</p> <p>Tóm tắt các nghiên cứu trước đây (literature review)</p> <p>Bài tập ứng dụng</p> <p>Thảo luận</p>	4	
6.	<p><b>CHƯƠNG 3 THU THẬP DỮ LIỆU</b></p> <p>Thu thập dữ liệu và nghiên cứu tài liệu</p> <p>Giới thiệu chung về dữ liệu (khái niệm, phân loại)</p> <p>Thu thập dữ liệu thông qua nghiên cứu tài liệu</p> <p>Thu thập dữ liệu qua phương pháp phi thực nghiệm</p> <p>Thu thập dữ liệu qua phương pháp thực nghiệm</p>	4	
7.	<p><b>CHƯƠNG 3 THU THẬP DỮ LIỆU</b></p> <p>Điều tra hiện trường: chọn mẫu, thiết kế bảng câu hỏi và tiến hành điều tra</p> <p>Khái quát về điều tra hiện trường</p> <p>Các phương pháp chọn mẫu và xác định cỡ mẫu</p> <p>Điều tra bằng bảng hỏi</p> <p>Quy trình thiết kế điều tra</p> <p>Phỏng vấn trực tiếp</p> <p>Bài tập ứng dụng</p> <p>Thảo luận</p>	4	
8.	<p><b>CHƯƠNG 4 PHÂN TÍCH DỮ LIỆU</b></p> <p>Các dạng số liệu và phương pháp xử lý số liệu</p>	3	

	Các dạng số liệu Các phương pháp xử lý số liệu		
9.	<b>CHƯƠNG 4 PHÂN TÍCH DỮ LIỆU</b> Phân tích dữ liệu Phân tích định tính Phân tích định lượng Bài tập ứng dụng Thảo luận	4	
10.	<b>CHƯƠNG 5 TRÌNH BÀY BÁO CÁO NGHIÊN CỨU</b> Các bước khi viết báo cáo nghiên cứu Khái quát cách trình bày báo cáo nghiên cứu Trình bày báo cáo nghiên cứu	4	
11.	<b>CHƯƠNG 5 TRÌNH BÀY BÁO CÁO NGHIÊN CỨU</b> Đánh giá và phản biện báo cáo nghiên cứu Các lưu ý khi viết luận văn tốt nghiệp Bài tập ứng dụng Thảo luận	4	
12.	Thuyết trình, kiểm tra, Ôn tập	3	
	<b>TỔNG</b>	<b>45</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính:

- Nguyễn Đình Thọ, Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh, NXB Tài chính, 2014.

### ◆ Tài liệu tham khảo:

- Đinh Phi Hồ, Phương pháp nghiên cứu kinh tế và viết luận văn thạc sĩ, NXB Kinh tế, 2017.
- Đinh Bá Hùng Anh, Nghiên cứu khoa học trong kinh tế - xã hội & hướng dẫn viết luận văn, NXB Kinh tế, 2016.

- Đồng Thị Thanh Phương và Nguyễn Thị Ngọc An. Phương pháp Nghiên cứu Khoa học. Nhà xuất bản Lao động Xã hội, 2010.
- Vũ Cao Đàm, Phương pháp Luận Nghiên cứu Khoa học, in lần thứ 10, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, 2006.
- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, Thống kê Ứng dụng trong Kinh tế Xã hội, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, 2013.
- Nguyễn Văn Lê, Phương pháp Luận Nghiên cứu Khoa học, in lần thứ tư. Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2006.

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

### ◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.
- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

### ◆ Thi kết thúc học phần

- Chấm đề tài, thuyết trình bảo vệ đề tài.

### ◆ Tỷ trọng đánh giá

Phương pháp đánh giá	Trọng số
Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%

Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%



# QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC
- Mã học phần: M151603014
- Cấp đào tạo: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần:
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- + Lý thuyết: 45
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 0
- Ban giảng viên
- + TS Lưu Thị Sao Băng
- + TS Nguyễn Văn Sơn
- + TS Trần Thanh Toàn

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Quản trị chiến lược xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiệp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Những ai có kế hoạch nghề nghiệp đảm trách chức vụ quản lý cao cấp, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc phụ trách các bộ phận chức năng sẽ thấy môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức.

## 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước: .....
- Học phần tiên quyết: Quản trị học
- Các kiến thức, kỹ năng khác: .....

## 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

### A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành

#### A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh

- — Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- — Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.
- — Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- — Khả năng ứng dụng kiến thức để phân biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- — Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

### B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân

#### B.1. Kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phản biện và giải quyết vấn đề

- — Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh
- — Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp
- — Có khả năng tổ chức thực hiện các phương án, dự án trong kinh doanh.
- — Có khả năng quản lý kế hoạch hoạt động, công việc cụ thể trong kinh doanh

#### B.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh

- — Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh.
- — Có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh
- — Có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh
- — Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh

### *B.3. Tư duy có hệ thống*

- — Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- — Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- — Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- — Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

### *B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp*

- — Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm
- — Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh
- — Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- — Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

## *C. Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm*

### *C.2. Kỹ năng làm việc nhóm*

- — Có khả năng hình thành nhóm làm việc độc lập
- — Có khả năng tổ chức hoạt động nhóm đạt được mục tiêu
- — Có khả năng phát triển nhóm
- — Có kỹ năng phối hợp làm việc nhóm

## *D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp*

### *D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp*

- — Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- — Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- — Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- — Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- — Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh.

## 5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

Sau khi học xong môn học, học viên sẽ có khả năng tốt hơn trong việc:

- (a) Giải thích được, phân tích được mô hình quản trị chiến lược tổng quát
- (b) Phân tích và đánh giá được các chiến lược, phối hợp với các bộ phận khác nhau trong công ty để lập được chiến lược, và kế hoạch hàng năm của công ty.
- (c) Sử dụng được các công cụ trong phân tích & lựa chọn chiến lược
- (d) Vận dụng được các kỹ thuật của quản trị chiến lược trong lập, triển khai, và đánh giá chiến lược
- (e) Lập được dự án khởi nghiệp, trình bày được các thủ tục pháp lý liên quan đến vấn đề khởi nghiệp và đăng ký kinh doanh
- (f) Phát triển tư duy chiến lược, kỹ năng lãnh đạo, ra quyết định, kỹ năng đàm phán, kỹ năng quản trị sự thay đổi, kỹ năng làm việc nhóm
- (g) Phát triển tinh thần doanh nghiệp của học viên

## 6. PHÂN BỐ THỜI GIAN

Buổi	Chủ đề chính	Số tiết	Ghi chú
1.	<b>Phần I: TỔNG QUAN</b> <b>Chương 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm chiến lược</li> <li>- Khái niệm quản trị chiến lược</li> <li>- Quy trình quản trị chiến lược</li> <li>- Nhà quản trị chiến lược</li> </ul>	4	
2.	<b>Chương 2: TẦM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ MỤC TIÊU CỦA DOANH NGHIỆP</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tầm nhìn</li> <li>- Sứ mệnh</li> <li>- Mục tiêu</li> </ul>	4	
3.	<b>Phần II: HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC</b> <b>Chương 3: PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI DOANH NGHIỆP</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm về môi trường kinh doanh</li> <li>- Môi trường vĩ mô</li> </ul>	4	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi trường cạnh tranh</li> <li>- Ảnh hưởng của môi trường bên ngoài đối với doanh nghiệp</li> </ul>		
4.	<p><b>Chương 4: PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BÊN TRONG DOANH NGHIỆP</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm môi trường bên trong</li> <li>- Các yếu tố môi trường bên trong</li> <li>- Ảnh hưởng của môi trường bên trong đối với doanh nghiệp</li> </ul>	3	
5.	<p><b>Chương 5: PHÂN TÍCH NĂNG LỰC CỐT LÕI &amp; XÂY DỰNG LỢI THẾ CẠNH TRANH</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực cốt lõi Doanh nghiệp</li> <li>- Khái niệm lợi thế cạnh tranh</li> <li>- Xây dựng lợi thế cạnh tranh</li> </ul>	4	
6.	<p><b>Chương 6: PHÂN TÍCH VÀ LỰA CHỌN CHIẾN LƯỢC CẤP DOANH NGHIỆP</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình phân tích và lựa chọn chiến lược cấp doanh nghiệp</li> <li>- Mô tả và đánh giá chiến lược hiện tại</li> <li>- Phân tích và lựa chọn chiến lược cấp doanh nghiệp</li> </ul>	4	
7.	<p><b>Phần III: CÁC LOẠI CHIẾN LƯỢC DOANH NGHIỆP</b>  <b>Chương 7: CHIẾN LƯỢC CẤP DOANH NGHIỆP</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm chiến lược cấp doanh nghiệp</li> <li>- Phân loại chiến lược cấp doanh nghiệp</li> <li>- Tổng hợp chiến lược</li> <li>- Thay đổi chiến lược.</li> </ul>	4	
8.	<p><b>Chương 8: CHIẾN LƯỢC CẤP KINH DOANH</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm chiến lược cấp kinh doanh</li> <li>- Nguyên tắc thực hiện</li> <li>- Các chiến lược cơ bản.</li> </ul>	3	
9.	<p><b>Chương 9: CHIẾN LƯỢC CẤP CHỨC NĂNG</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm chiến lược cấp chức năng</li> <li>- Nguyên tắc thực hiện</li> <li>- Các chiến lược chức năng cơ bản.</li> </ul>	4	
10.	<p><b>Chương 10: CHIẾN LƯỢC TRONG MÔI TRƯỜNG KINH DOANH QUỐC TẾ</b></p>	4	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi trường kinh doanh quốc tế</li> <li>- Doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế</li> </ul>		
<b>11.</b>	<p><b>Phần IV: THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC</b></p> <p><b>Chương 11: TỔ CHỨC THỰC HIỆN &amp; KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm, vị trí và vai trò của thực hiện chiến lược</li> <li>- Thiết lập mục tiêu, chính sách và nguồn lực thực hiện chiến lược</li> <li>- Xây dựng cơ cấu tổ chức</li> <li>- Xác định nội dung kiểm tra</li> <li>- Xác định tiêu chuẩn kiểm tra</li> <li>- Đánh giá kết quả kiểm tra.</li> </ul>	<b>4</b>	
<b>12.</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn tập</li> </ul>	<b>3</b>	
	<b>TỔNG</b>	<b>45</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- Fred R.David – Strategic Management: Concepts and Cases, 14 Edition, Pearson 2014, Quản trị Chiến lược: Khái luận và các Tình huống (Bản dịch của Khoa Kinh doanh Quốc tế - Marketing, Đại học Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh). NXB Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh, 2015
- Bài giảng của giảng viên.

### ◆ Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Liên Diệp và Phạm Văn Nam, “Chiến lược và chính sách kinh doanh”, NXB. Hồng Đức, 2014.
- Ngô Kim Thanh, “Quản trị chiến lược”, NXB. Đại học Kinh tế Quốc dân 2012.
- Lê Thế Giới, Nguyễn Thanh Liêm, “Giáo trình Quản trị chiến lược”, NXB. Thống kê 2009.
- George Stonehouse, David Campbell, Jim Hamill, Tony Purdie – Global and Transnational Business: Strategy and Management. John Wiley & Sons, Ltd.

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

### ◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.
- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

### ◆ Thi kết thúc học phần

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

### ◆ Tỷ trọng đánh giá

Phương pháp đánh giá	Trọng số
Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%

# PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG TRONG KINH DOANH

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG TRONG KINH DOANH
- Mã học phần: 151603015
- Cấp đào tạo: Cao học
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần: Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 3 (2,1)
- + Lý thuyết: 30
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 30
- Ban giảng viên
- + TS Ngô Bình Chung
- + TS Vũ Nhữ Thăng
- + TS Phạm Thành Thái

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học kinh tế lượng nâng cao dành cho bậc Cao học được tổ chức thiên về hướng ứng dụng hơn là tập trung vào nền tảng lý thuyết. Mục đích của môn học nhằm cung cấp kiến thức nâng cao và minh họa những ứng dụng các mô hình kinh tế lượng phổ biến trong thực tế. Thứ nhất, môn học giới thiệu các vấn đề nảy sinh trong việc ước lượng một mô hình khi các giả thiết của mô hình hồi qui tuyến tính cổ điển (CLRM) bị vi phạm và các phương pháp khắc phục. Thứ hai, học viên sẽ được tiếp cận việc ước lượng mô hình với số liệu theo chuỗi thời gian và số liệu bảng, đây là công cụ được sử dụng rất phổ biến hiện nay trong các nghiên cứu thực nghiệm về kinh tế. Thứ ba, các mô hình với biến phụ thuộc định tính và bị giới hạn cũng được trình bày ở môn học này. Ngoài ra, học viên còn được cung cấp các kỹ thuật hữu dụng khác trong kinh tế lượng như hồi qui đồng kết hợp và kiểm định nhân quả Granger để có thể nghiên cứu các câu hỏi chính sách khác nhau. Kết thúc môn học, học viên được kỳ vọng sẽ nắm vững nội dung các mô hình kinh tế lượng được trình bày, có thể chọn lựa mô hình kinh tế lượng phù hợp với chủ đề nghiên cứu luận văn thạc sĩ và sử dụng thành thạo phần mềm kinh tế lượng cho các mô hình này.



### 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước: không
- Học phần tiên quyết: không
- Các kiến thức, kỹ năng khác: kiến thức căn bản về kinh tế học vi mô, vĩ mô, xác suất thống kê là rất cần thiết để hiểu và nắm được nội dung của môn học này. Ngoài ra học viên cũng cần có kỹ năng về các phần mềm hỗ trợ phân tích như Excel, Eviews, ...

### 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

#### A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành

##### A.1. Kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học Tự nhiên, Xã hội và Nhân văn

- — Có phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề kinh tế, kinh doanh.
- — Có kiến thức Toán, Khoa học tự nhiên để ứng dụng nghiên cứu, giải quyết vấn đề của tổ chức
- — Có kiến thức Khoa học xã hội và Nhân văn để ứng dụng giải quyết các vấn đề của tổ chức

##### A.2. Kiến thức cơ sở trong lĩnh vực kinh tế

- — Có kiến thức cơ bản về lý thuyết kinh tế cả vi mô, cả vĩ mô và quản lý
- — Có kiến thức tài chính và kế toán để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý.
- — Có khả năng hiểu và hệ thống hóa kiến thức cơ bản trong kinh tế và kinh doanh

##### A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh

- — Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- — Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.
- — Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- — Khả năng ứng dụng kiến thức để phân biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.

- — Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

### ***B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân***

#### ***B.3. Tư duy có hệ thống***

- — Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- — Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- — Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- — Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

#### ***B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp***

- — Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm
- — Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh
- — Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- — Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

### ***D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp***

#### ***D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp***

- — Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- — Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- — Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- — Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- — Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh.

## **5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

Mục tiêu của môn học này là giới thiệu với học viên sức mạnh của các phương pháp kinh tế lượng, đồng thời cũng lưu ý về những hạn chế của các phương pháp này. Trọng tâm sẽ là nhận dạng, ước lượng và kiểm định các mô hình kinh tế lượng ở phạm vi doanh nghiệp, ngành, ...

Sau khi học xong, người học có thể thực hiện được một cách cơ bản quy trình phân tích hồi quy, từ xây dựng một mô hình tốt đến ứng dụng mô hình này để đưa ra các khuyến nghị hợp lý cho các vấn đề cụ thể trong kinh tế kinh doanh.

Người học cũng được cung cấp các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy, nắm được các kỹ thuật cơ bản trong phân tích hồi quy và sử dụng thành thạo phần mềm Eviews trong quá trình phân tích hồi quy.

## 6. PHÂN BỐ THỜI GIAN

Buổi	Chủ đề chính	Số tiết	Ghi chú
1.	<b>Tổng quan về môn học</b> <b>Ôn tập lại kiến thức về xác suất thống kê</b> <b>Giới thiệu phần mềm phân tích Eviews</b>	4	
2.	<b>Mô hình hồi quy</b> Hồi quy đơn biến Hồi quy đa biến Các giả định mô hình	4	
3.	<b>Thực hành phân tích hồi quy</b> Thực hành phân tích hồi quy Hướng dẫn đọc kết quả phân tích	4	
4.	<b>Các mô hình hồi quy với biến độc lập định tính</b> Phương pháp xây dựng Kiểm định mô hình	3	
5.	<b>Chẩn đoán mô hình</b> Đa cộng tuyến Phương sai thay đổi Tự tương quan Các sai số đặc trưng mô hình	4	
6.	<b>KIỂM TRA GIỮA KỲ</b> <b>Các mô hình hồi quy có biến phụ thuộc định tính</b> Logit Probit	4	

	Tobit		
7.	<b>Mô hình dữ liệu bảng</b> Tổ chức dữ liệu Phương pháp khắc phục các vi phạm giả thiết của OLS	4	
8.	<b>Mô hình dữ liệu bảng (tt)</b> Hiện tượng nội sinh và các phương pháp xử lý (2SLS, GMM) FEM & REM (ECM)	3	
9.	<b>Thực hành phân tích dữ liệu bảng bằng Eviews</b>	4	
10.	<b>Mô hình chuỗi thời gian</b> Tính dừng Kiểm định nghiệm đơn vị Các khắc phục chuỗi dừng để tránh giả mạo Kiểm định đồng liên kết	4	
11.	<b>Mô hình chuỗi thời gian (tt)</b> Mô hình ARIMA Mô hình ARCH – GARCH	4	
12.	<b>Tổng hợp khung phân tích phân tích</b> <b>Ôn tập</b>	3	
	<b>TỔNG</b>	45	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- Nguyễn Trọng Hoài và ctg, Dự báo và phân tích dữ liệu trong kinh tế tài chính, NXB Tài Chính, Năm 2014.
- Slide do giảng viên cung cấp.

### ◆ Tài liệu tham khảo

- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, Thống kê Ứng dụng trong Kinh tế Xã hội, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, 2013.

- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, NXB Hồng Đức, 2008
- Đinh Bá Hùng Anh, Dự Báo Trong Kinh Doanh, NXB Kinh tế HCM, 2015.
- Gujarati, D. (2011), Econometrics by Example.
- Wooldridge, J. M. (2006). Introductory Econometrics: A Modern Approach.
- Ramanathan, R. (2002), Introductory Econometrics with applications.

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

### ◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.
- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

### ◆ Thi kết thúc học phần

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

### ◆ Tỷ trọng đánh giá

Phương pháp đánh giá	Trọng số
----------------------	----------

Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%

# NGHIÊN CỨU MARKETING

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: NGHIÊN CỨU MARKETING
- Mã học phần: M151603016
- Bachelor: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần:
- Số tín chỉ: 3 (2,1)
- + Lý thuyết: 30
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 30
- Ban giảng viên
- + TS Triệu Thị Xứng
- + TS Phạm Thành Thái

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Nghiên cứu marketing nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức căn bản về cách thức nghiên cứu định tính, định lượng, các công cụ thu thập thông tin, phương pháp chọn mẫu, thiết kế bảng câu hỏi, lập kế hoạch nghiên cứu thị trường đến khâu thực hiện, phân tích kết quả nghiên cứu thông qua ứng dụng các phần mềm thống kê như SPSS vào việc xử lý các thông tin đến kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu thị trường.

## 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước:
- Học phần tiên quyết: Marketing căn bản, nguyên lý thống kê trong kinh doanh.
- Các kiến thức, kỹ năng khác:

## 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

### A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành

#### A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh

- — Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- — Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.
- — Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- — Khả năng ứng dụng kiến thức để phân biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- — Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

### B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân

#### B.1. Kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phản biện và giải quyết vấn đề

- — Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh
- — Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp
- — Có khả năng tổ chức thực hiện các phương án, dự án trong kinh doanh.
- — Có khả năng quản lý kế hoạch hoạt động, công việc cụ thể trong kinh doanh

#### B.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh

- — Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh.
- — Có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh
- — Có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh
- — Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh



### *B.3. Tư duy có hệ thống*

- — Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- — Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- — Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- — Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

### *B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp*

- — Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm
- — Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh
- — Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- — Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

## ***D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp***

### *D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp*

- — Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- — Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- — Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- — Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- — Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

## **5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

Sau khi học xong, học viên có thể:

- (a) Mô tả, giải thích được những vấn đề căn bản trong nghiên cứu marketing.
- (b) Phân tích, đánh giá được sự khác biệt giữa các công cụ thu thập thông tin, phương pháp thu thập thông tin, phương pháp chọn mẫu.
- (c) Áp dụng kiến thức đã học vào tình huống nghiên cứu marketing thực tế.

(d) Phân tích, đo lường, đánh giá việc thực hiện một cuộc nghiên cứu marketing thông qua kết quả nghiên cứu.

## 6. PHÂN BỐ THỜI GIAN

Buổi	Chủ đề chính	Số tiết	Ghi chú
1.	<b>Chương 1: Tổng quan về nghiên cứu marketing</b> Khái niệm nghiên cứu marketing Các dạng nghiên cứu marketing Quy trình nghiên cứu marketing Kế hoạch nghiên cứu marketing Thiết kế nghiên cứu	4	
2.	<b>Chương 2: Phương pháp thu thập dữ liệu</b> Phỏng vấn Bảng câu hỏi Nghiên cứu tài liệu Quan sát.	4	
3.	<b>Chương 3: Thang đo và bảng câu hỏi</b> Đo lường Thang đo Lựa chọn thang đo Đánh giá thang đo Quy trình thiết kế bảng câu hỏi Trường hợp nghiên cứu.	4	
4.	<b>Chương 4: Đánh giá độ tin cậy &amp; Kiểm định giá trị thang đo</b> Độ tin cậy thang đo (Cronbach's Alpha) Phân tích nhân tố EFA Tính toán hệ số tin cậy Cronbach's alpha bằng SPSS Logic cơ bản của phân tích nhân tố khám phá Các giả định của phân tích nhân tố	3	
5.	<b>Chương 5: Đánh giá độ tin cậy &amp; Kiểm định giá trị thang đo</b> Ma trận phân tích nhân tố Tiến hành phân tích nhân tố kết hợp SPSS Các dạng phân tích nhân tố và ứng dụng Điều kiện để phân tích nhân tố	4	

	Đánh giá kết quả phân tích nhân tố.		
6.	<b>Chương 6: Xử lý và diễn giải dữ liệu</b> Kiểm tra & Chính lý dữ liệu Mã hóa dữ liệu Mô tả dữ liệu Phân tích tương quan.	4	
7.	<b>Chương 7: Phân tích dữ liệu (hồi qui đơn)</b> Hệ số Cronbach's Alpha Phân tích nhân tố khám phá EFA Hiểu và xây dựng được mô hình hồi qui tuyến tính đơn	4	
8.	<b>Chương 8: Phân tích dữ liệu (tiếp theo)</b> Hiểu và xây dựng được mô hình hồi qui tuyến tính đơn Đánh giá chất lượng mô hình hồi qui Kiểm định thống kê cho từng tham số và toàn bộ mô hình hồi qui Kiểm định tự tương quan và đánh giá hiện tượng phương sai thay đổi Sử dụng phần mềm Excel và SPSS để xây dựng mô hình hồi qui đơn.	3	
9.	<b>Chương 9: Phân tích dữ liệu (hồi qui bội)</b> Hiểu và xây dựng được mô hình hồi qui bội Đánh giá mô hình Kiểm định mô hình (từng hệ số, toàn bộ mô hình) Tự tương quan và phương sai thay đổi Phát hiện và khắc phục hiện tượng đa cộng tuyến Hồi qui phi tuyến Sử dụng biến giả Sử dụng phần mềm Excel, SPSS, để phân tích hồi qui bội.	4	
10.	<b>Chương 10: Trường hợp nghiên cứu</b> Mô hình của trường hợp nghiên cứu Dữ liệu của trường hợp nghiên cứu Phân tích dữ liệu của trường hợp nghiên cứu.	4	
11.	<b>Chương 11: Báo cáo kết quả nghiên cứu</b> Vai trò và chức năng của bản báo cáo Nội dung và hình thức trình bày một bản báo cáo	4	

	Các nguyên tác trình bày số liệu trong báo cáo.		
12.	Ôn tập	3	
	<b>TỔNG</b>	<b>45</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Mai Trang, “Nghiên cứu thị trường” , NXB. Kinh tế HCM, 2015.
- Bài giảng của Giảng viên

### ◆ Tài liệu tham khảo:

- Đinh Bá Hùng Anh, “Nghiên cứu khoa học trong Kinh tế - Xã hội & hướng dẫn viết luận văn”, NXB. Kinh tế 2016.
- Trần Xuân Kiêm, “Nghiên cứu tiếp thị”, NXB. Lao động - Xã hội (2009)
- Lê Thế Giới (chủ biên), “Nghiên cứu marketing- Lý thuyết và ứng dụng”, NXB Thống Kê 2006.

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

### ◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mâu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.
- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.

- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

◆ **Thi kết thúc học phần**

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

◆ **Tỷ trọng đánh giá**

<b>Phương pháp đánh giá</b>	<b>Trọng số</b>
Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%

# LUẬT KINH TẾ

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: LUẬT KINH TẾ
- Mã học phần: M151603017
- Bachelor: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần: Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- + Lý thuyết: 45
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 0
- Ban giảng viên
- + GS TS Nguyễn Văn Tài

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản về quy chế pháp lý nói chung về thành lập, tổ chức quản lý và điều hành doanh nghiệp. Chế độ pháp lý về các chủ thể kinh doanh, pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh thương mại, về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại, giải quyết các vụ việc cạnh tranh và địa vị pháp lý của cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế.

## 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước: Pháp luật đại cương
- Học phần tiên quyết: .....
- Các kiến thức, kỹ năng khác: .....

## 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

### A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành

#### A.1. Kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học Tự nhiên, Xã hội và Nhân văn

- — Có phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề kinh tế, kinh doanh.
- — Có kiến thức Toán, Khoa học tự nhiên để ứng dụng nghiên cứu, giải quyết vấn đề của tổ chức

- — Có kiến thức Khoa học xã hội và Nhân văn để ứng dụng giải quyết các vấn đề của tổ chức

### *A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh*

- — Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- — Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.
- — Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- — Khả năng ứng dụng kiến thức để phân biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- — Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

## *B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân*

### *B.3. Tư duy có hệ thống*

- — Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- — Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- — Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- — Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

## *D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp*

### *D.1. Phẩm chất cá nhân trong bối cảnh xã hội*

- — Nhận thức được vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị trước cộng đồng
- — Nhận thức được những kiến thức về pháp luật, lịch sử và văn hóa
- — Nhận thức được những lợi ích trong kinh doanh mang lại cho xã hội
- — Nhận thức được vấn đề mang tính thời sự
- — Có khả năng phát triển viễn cảnh toàn cầu

*D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp*

- — Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- — Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- — Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- — Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- — Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

**5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản trong quản lý kinh tế về chủ thể kinh doanh, đồng thời tập trung những quy định cơ bản, hiện hành của pháp luật Việt Nam điều chỉnh các quan hệ pháp luật phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế, đặc biệt trong kinh doanh thương mại cũng như những vấn đề thực tế điển hình nhằm tăng cường kỹ năng áp dụng pháp luật đối với cán bộ quản lý kinh tế và cán bộ quản trị doanh nghiệp.

Sau khi kết thúc môn học, học viên có thể tự mình tìm ra các kiến giải:

- (a) vì sao trên thế giới công ty đã trở thành trụ cột của nền sản xuất hiện đại;
- (b) vì sao khi du nhập các mô hình tổ chức kinh doanh hiện đại vào Việt Nam đều xuất hiện sự khác biệt với nơi nguyên xứ của chúng;
- (c) vì sao hợp đồng là công cụ nền tảng để tổ chức hoạt động kinh doanh và pháp luật hợp đồng ngày càng trở nên hài hoà, mang tính quy chuẩn giữa các nền văn hoá khác nhau;
- (d) người học cũng có được những kiến thức sơ bộ về cách hành xử của các doanh nhân trong môi trường kinh doanh toàn cầu..

**6. PHÂN BỐ THỜI GIAN**

<b>Buổi</b>	<b>Chủ đề chính</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1.</b>	<b><u>Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về Luật Kinh doanh</u></b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm và đối tượng điều chỉnh</li> <li>- Khái niệm và nguồn của Luật Kinh doanh</li> <li>- Chủ thể của Luật Kinh doanh</li> <li>- Quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh</li> </ul>	4	



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung quản lý nhà nước về kinh tế</li> <li>- Các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế</li> <li>- Vai trò của Luật kinh doanh trong nền kinh tế thị trường</li> <li>- Khái niệm nền kinh tế thị trường</li> </ul>		
2.	<p><b><u>Chương 2: Quy chế pháp lý chung về thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của Doanh nghiệp.</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm, đặc điểm và phân loại Doanh nghiệp</li> <li>- Khái niệm và đặc điểm của Doanh nghiệp</li> <li>- Phân loại Doanh nghiệp</li> <li>- Vấn đề giới hạn trách nhiệm trong kinh doanh</li> <li>- Điều kiện và thủ tục cơ bản để thành lập Doanh nghiệp</li> <li>- Những điều kiện cơ bản để thành lập Doanh nghiệp</li> <li>- Thủ tục chung để thành lập Doanh nghiệp</li> <li>- Tổ chức lại Doanh nghiệp</li> <li>- Pháp luật về giải thể và phá sản Doanh nghiệp</li> <li>- Giải thể Doanh nghiệp</li> <li>- Phá sản Doanh nghiệp</li> <li>- Những quyền và nghĩa vụ cơ bản của Doanh nghiệp trong kinh doanh.</li> <li>- Những quyền của Doanh nghiệp trong kinh doanh</li> <li>- Những nghĩa vụ của Doanh nghiệp trong kinh doanh.</li> </ul>	4	
3.	<p><b><u>Chương 3: Chế độ pháp lý về các chủ thể kinh doanh</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh nghiệp tư nhân</li> <li>- Khái niệm và đặc điểm của Doanh nghiệp tư nhân</li> <li>- Cơ cấu tổ chức, Thành lập DNTN, quản lý và hoạt động.</li> <li>- Công ty</li> <li>- Khái niệm chung về công ty và các loại công ty</li> <li>- Công ty cổ phần – Khái niệm và đặc điểm</li> <li>- Công ty Trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên</li> <li>- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên</li> <li>- Công ty hợp danh</li> </ul>	4	
4.	<p><b><u>Chương 3: Chế độ pháp lý về các chủ thể kinh doanh</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh nghiệp nhà nước</li> </ul>	3	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm, đặc điểm và phân loại DNNN</li> <li>- Thành lập DNNN</li> <li>- Cơ cấu tổ chức quản lý DNNN</li> </ul>		
5.	<p><b><u>Chương 3: Chế độ pháp lý về các chủ thể kinh doanh</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</li> <li>- Khái niệm và đặc điểm của Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</li> <li>- Các loại hình doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam</li> <li>- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài</li> <li>- Doanh nghiệp liên doanh</li> <li>- Hợp tác xã</li> <li>- Khái niệm đặc điểm của HTX</li> <li>- Thành lập HTX</li> <li>- Quy chế pháp lý về xã viên</li> <li>- Tổ chức, quản lý hợp tác xã</li> <li>- Liên hiệp HTX, liên minh HTX</li> </ul>	4	
6.	<p><b><u>Chương 4: Pháp luật về Hợp đồng trong Kinh doanh – Thương mại</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát về Pháp luật Hợp đồng</li> <li>- Khái quát chung về Hợp đồng</li> <li>- Khái niệm, đặc điểm của Hợp đồng</li> <li>- Điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng</li> <li>- Phân loại hợp đồng</li> <li>- Hợp đồng Dân sự</li> <li>- Chủ thể của Hợp đồng Dân sự</li> <li>- Nội dung của Hợp đồng Dân sự</li> <li>- Hiệu lực của Hợp đồng Dân sự</li> <li>- Thời điểm có hiệu lực của Hợp đồng dân sự</li> <li>- Sự vô hiệu của Hợp đồng</li> </ul>	4	
7.	<p><b><u>Chương 4: Pháp luật về Hợp đồng trong Kinh doanh – Thương mại</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng Dân sự</li> <li>- Chế độ sửa đổi chấm dứt Hợp đồng Dân sự</li> </ul>	4	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng</li> <li>- Cầm cố tài sản</li> <li>- Thế chấp tài sản</li> <li>- Đặt cọc</li> <li>- Ký cược</li> <li>- Ký quỹ</li> <li>- Bảo lãnh</li> <li>- Tín chấp</li> <li>- Trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng dân sự</li> <li>- Khái niệm đặc điểm trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng dân sự</li> <li>- Các hình thức trách nhiệm do vi phạm hợp đồng dân sự</li> <li>- Hợp đồng trong Kinh doanh-Thương mại</li> <li>- Khái niệm và đặc điểm của Hợp đồng thương mại</li> <li>- Các loại Hợp đồng thương mại</li> <li>- Trách nhiệm pháp lý trong kinh doanh – thương mại</li> </ul>		
8.	<p><b><u>Chương 5: Pháp luật về Phá sản Doanh nghiệp</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát chung về phá sản Doanh nghiệp và Luật phá sản Doanh nghiệp.</li> <li>- Khái niệm Phá sản Doanh nghiệp</li> <li>- Doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản</li> <li>- Phân loại phá sản</li> <li>- Phân biệt phá sản với giải thể</li> <li>- Pháp luật về phá sản</li> <li>- Khái quát về Luật phá sản Việt Nam – Luật Phá sản 2004</li> <li>- Vai trò của pháp luật về phá sản</li> </ul>	3	
9.	<p><b><u>Chương 5: Pháp luật về Phá sản Doanh nghiệp</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủ tục phá sản Doanh nghiệp, Hợp tác xã</li> <li>- Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản</li> <li>- Tổ chức hội nghị chủ nợ và thủ tục phục hồi kinh doanh</li> <li>- Thủ tục thanh lý tài sản và thanh toán nợ</li> <li>- Tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản</li> </ul>	4	
10.	<p><b><u>Chương 6: Pháp luật về giải quyết các tranh chấp Kinh</u></b></p>	4	

	<p><b>doanh – Thương mại và vụ việc Cạnh tranh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải quyết tranh chấp kinh doanh – thương mại theo thủ tục trọng tài</li> <li>- Tổ chức đặc trưng của Trọng Tài thương mại</li> <li>- Thẩm quyền giải quyết của Trọng tài thương mại</li> <li>- Tổ tụng trọng tài</li> <li>- Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân</li> <li>- Khái niệm vụ việc kinh doanh – thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân</li> <li>- Cơ quan tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng</li> </ul>		
11.	<p><b>Chương 6: Pháp luật về giải quyết các tranh chấp Kinh doanh – Thương mại và vụ việc Cạnh tranh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân</li> <li>- Thủ tục giải quyết vụ án Kinh doanh – Thương mại</li> <li>- Thi hành bản án, quyết định của Tòa án</li> <li>- Giải quyết vụ việc cạnh tranh</li> <li>- Khái niệm vụ việc cạnh tranh</li> <li>- Khái niệm</li> <li>- Vai trò của cạnh tranh trong kinh doanh</li> <li>- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</li> <li>- Hạn chế cạnh tranh trong kinh doanh</li> <li>- Thoả thuận hạn chế cạnh tranh</li> <li>- Lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền</li> <li>- Tập trung kinh tế</li> <li>- Hành vi cạnh tranh không lành mạnh</li> <li>- Tố tụng cạnh tranh</li> </ul>	4	
12.	<b>Ôn tập</b>	3	
	<b>TỔNG</b>	<b>45</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- PGS.TS. Phạm Duy Nghĩa, Luật Kinh tế, NXB Quân Đội Nhân dân, 2015
- Slide do giảng viên cung cấp.
- Tài liệu tham khảo (các bộ luật và luật hiện hành)
- Luật kinh tế, NXB Lao động, 2014
- Bộ luật dân sự, NXB Hồng Đức, 2016
- Luật doanh nghiệp, NXB Lao động, 2015
- Luật thương mại, NXB Lao động, 2014
- Luật đầu tư, NXB Lao động, 2015
- Luật hợp tác xã, NXB Lao động, 2014
- Luật Trọng tài Thương mại, NXB Lao động, 2015

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

### ◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.
- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

**◆ Thi kết thúc học phần**

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

**◆ Tỷ trọng đánh giá**

<b>Phương pháp đánh giá</b>	<b>Trọng số</b>
Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%

# QUẢN TRỊ HỌC

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: QUẢN TRỊ HỌC
- Mã học phần: M151603018
- Cấp đào tạo: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần: Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- + Lý thuyết: 45
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 0
- Ban giảng viên
- + GS TS Ngô Bình Chung
- + TS Lý Minh Chiêu

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Quản trị học là môn học cơ sở ngành cho các khối ngành kinh tế, nội dung môn học tập trung nghiên cứu các vấn đề của tổ chức và hoạt động quản trị. Môn học tiếp cận theo chức năng của nhà quản trị như chức năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Bên cạnh đó môn học còn cung cấp cho người học những kiến thức chung về môi trường tổ chức, vấn đề ra quyết định, sự phát triển của tư tưởng quản trị. Học viên học môn này được phát triển ở cả hai khía cạnh là kỹ năng chuyên môn và kiến thức tổng quát về hoạt động quản trị kinh doanh trong tổ chức.

## 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước: Kinh tế vi mô
- Học phần tiên quyết: .....
- Các kiến thức, kỹ năng khác: .....

## 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

### A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành

#### A.2. Kiến thức cơ sở trong lĩnh vực kinh tế

- — Có kiến thức cơ bản về lý thuyết kinh tế cả vi mô, cả vĩ mô và quản lý
- — Có kiến thức tài chính và kế toán để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý.
- — Có khả năng hiểu và hệ thống hóa kiến thức cơ bản trong kinh tế và kinh doanh

#### A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh

- — Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- — Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.
- — Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- — Khả năng ứng dụng kiến thức để phân biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- — Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

### B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân

#### B.1. Kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phản biện và giải quyết vấn đề

- — Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh
- — Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp
- — Có khả năng tổ chức thực hiện các phương án, dự án trong kinh doanh.
- — Có khả năng quản lý kế hoạch hoạt động, công việc cụ thể trong kinh doanh

#### B.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh

- — Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh.



- — Có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh
- — Có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh
- — Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh

### *B.3. Tư duy có hệ thống*

- — Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- — Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- — Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- — Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

### *B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp*

- — Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm
- — Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh
- — Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- — Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

### *B.5. Kỹ năng và thái độ cá nhân*

- — Chủ động và sẵn sàng chấp nhận rủi ro trong kinh doanh
- — Có tính kiên trì và linh hoạt trong giải quyết vấn đề kinh doanh
- — Có khả năng nhận thức về đặc điểm, tính cách và kiến thức của chính mình
- — Có khả năng quản lý các nguồn lực và thời gian

## *C. Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm*

### *C.1. Kỹ năng giao tiếp và thiết lập mối quan hệ*

- — Có khả năng thiết lập chiến lược giao tiếp trong bối cảnh toàn cầu
- — Có khả năng thiết lập một cấu trúc giao tiếp hiệu quả với đối tác

- — Có khả năng trình bày hiệu quả các vấn đề hay ý tưởng trước cộng đồng
- — Có khả năng nghe với tư duy phản biện.
- — Có khả năng giao tiếp bằng văn bản và giao tiếp đa phương tiện

### *C.2. Kỹ năng làm việc nhóm*

- — Có khả năng hình thành nhóm làm việc độc lập
- — Có khả năng tổ chức hoạt động nhóm đạt được mục tiêu
- — Có khả năng phát triển nhóm
- — Có kỹ năng phối hợp làm việc nhóm

## ***D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp***

### *D.1. Phẩm chất cá nhân trong bối cảnh xã hội*

- — Nhận thức được vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị trước cộng đồng
- — Nhận thức được những kiến thức về pháp luật, lịch sử và văn hóa
- — Nhận thức được những lợi ích trong kinh doanh mang lại cho xã hội
- — Nhận thức được vấn đề mang tính thời sự
- — Có khả năng phát triển viên cảnh toàn cầu

### *D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp*

- — Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- — Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- — Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- — Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- — Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

## **5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

Học phần cung cấp cho học viên những nguyên lý và kỹ thuật cần được thực hiện khi con người kết hợp với nhau thành các tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những khía cạnh của môi trường bên trong và bên ngoài của tổ chức và tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. Nguyên tắc, hình thức và nguồn thông tin; thông tin

trong tổ chức và quản trị thông tin như thế nào? Các mô hình và khái niệm cơ bản được các nhà quản trị trong tổ chức sử dụng để đưa ra các quyết định. Bốn chức năng quản trị cơ bản: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.

Sau khi kết thúc môn học, học viên có thể tự mình tìm ra các kiến giải:

- (a) Hiểu được khái niệm, đặc điểm, lịch sử hình thành và phát triển của hoạt động của quản trị trong tổ chức;
- (b) Hiểu được môi trường của tổ chức và ảnh hưởng các yếu tố của môi trường vĩ mô, vi mô đến các hoạt động của tổ chức và nhà quản trị. Hiểu và vận dụng được mô hình phân tích năm lực lượng cạnh tranh của M. Porter;
- (c) Hiểu được cơ sở, tiến trình, các điều kiện, kỹ thuật ra quyết định;
- (d) Hiểu và vận dụng được các chức năng cơ bản của nhà quản trị trong tổ chức như chức năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra;
- (e) Phát triển cho người học các kỹ năng truyền thông, làm việc nhóm, điều hành và tự quản;
- (f) Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, kiểm tra;
- (g) Kỹ năng ra quyết định, phân tích, tổng hợp và đánh giá vấn đề; .

## 6. PHÂN BỐ THỜI GIAN

Buổi	Chủ đề chính	Số tiết	Ghi chú
1.	<b>Chương 1: Nhà quản trị và công việc của nhà quản trị</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm về quản trị</li> <li>- Các chức năng của quản trị</li> <li>- Vai trò và ý nghĩa của hoạt động quản trị</li> <li>- Thế nào là nhà quản trị</li> <li>- Các cấp bậc quản trị trong một tổ chức</li> <li>- Kỹ năng của nhà quản trị</li> <li>- Vai trò của nhà quản trị</li> <li>- Làm thế nào để quản trị thành công</li> </ul>	4	
2.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chương 2: Sự phát triển của tư tưởng quản trị</b></li> <li>- Quan điểm truyền thống về quản trị</li> <li>- Quan điểm hành vi</li> </ul>	4	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan điểm hệ thống</li> <li>- Quan điểm ngẫu nhiên</li> <li>- Quan điểm chất lượng</li> <li>- Những khuynh hướng hiện nay trong tư duy quản trị</li> <li>- Tích hợp các quan điểm quản trị và các năng lực</li> <li>-</li> </ul>		
3.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chương 3: Môi trường quản trị</b></li> <li>- Khái niệm và phân loại môi trường</li> <li>- Môi trường vi mô (mô hình 5 tác lực)</li> <li>- Môi trường vĩ mô</li> <li>- Ước lượng sự bất trắc</li> <li>-</li> </ul>	4	
4.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chương 4: Thông tin trong quản trị</b></li> <li>- Khái niệm về thông tin</li> <li>- Nguyên tắc thông tin</li> <li>- Hình thức và nguồn thông tin</li> <li>- Thông tin trong tổ chức</li> <li>- Những trở ngại trong thông tin</li> <li>- Quản trị thông tin</li> </ul>	4	
5.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chương 5: Quyết định quản trị</b></li> <li>- Khái niệm, chức năng của quyết định quản trị</li> <li>- Những yêu cầu đối với quyết định quản trị</li> <li>- Mô hình ra quyết định</li> <li>- Những phẩm chất cá nhân cần thiết cho quyết định hiệu quả</li> </ul>	4	
6.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Thuyết trình nhóm</b></li> </ul>	3	
7.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chương 6: Hoạch định</b></li> <li>- Khái niệm và tác dụng của hoạch định</li> <li>- Mục tiêu nền tảng của hoạch định</li> <li>- Quá trình hoạch định chiến lược</li> <li>- Một số công cụ hoạch định chiến lược</li> <li>- Hoạch định tác nghiệp</li> </ul>	4	

8.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chương 7: Tổ chức</b></li> <li>- Khái niệm, mục tiêu của tổ chức</li> <li>- Các nguyên tắc của tổ chức quản trị</li> <li>- Cơ sở thiết kế bộ máy tổ chức</li> <li>- Tầm hạn quản trị</li> <li>- Quyền hành trong quản trị</li> <li>- Phân cấp trong quản trị</li> <li>- Các tiêu chuẩn hình thành các bộ phận</li> <li>- Các mô hình bộ máy tổ chức phổ biến</li> <li>- Sự phân quyền</li> <li>- Ủy quyền</li> </ul>	4	
9.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chương 8: Lãnh đạo</b></li> <li>- Khái niệm</li> <li>- Tuyển dụng và đào tạo nhân viên</li> <li>- Động viên tinh thần làm việc của nhân viên</li> <li>- Lãnh đạo và phong cách lãnh đạo</li> </ul>	4	
10.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chương 9: Kiểm tra</b></li> <li>- Khái niệm</li> <li>- Mục đích của kiểm tra</li> <li>- Tiến trình kiểm tra</li> <li>- Các loại hình kiểm tra</li> <li>- Các nguyên tắc kiểm tra</li> <li>- Các công cụ chủ yếu để kiểm tra</li> </ul>	4	
11.	- <b>Thuyết trình nhóm</b>	3	
12.	<b>Ôn tập</b>	3	
	<b>TỔNG</b>	<b>45</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- Nguyễn Thị Liên Diệp (2015), Quản trị học, NXB Lao động - Xã hội.
- Phùng Minh Đức (2014), Quản trị học, NXB Đại học Quốc gia TpHCM
- Lê Thế Giới (2014), Quản trị học, NXB Tài chính.

- Slide do giảng viên cung cấp.

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

### ◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.
- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

### ◆ Thi kết thúc học phần

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

### ◆ Tỷ trọng đánh giá

Phương pháp đánh giá	Trọng số
Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%

# QUẢN TRỊ SỰ THAY ĐỔI

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: QUẢN TRỊ SỰ THAY ĐỔI
- Mã học phần: M151603019
- Bachelor: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần: Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- + Lý thuyết: 45
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 0
- Ban giảng viên
- + PGS TS Nguyễn Xuân Minh
- + TS Phùng Văn Tiến

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học giúp cho người học trang bị thêm kỹ năng quản trị trong tổ chức bên cạnh các kỹ năng quản trị tài chính, quản trị nhân lực, v.v... Môn học cũng góp phần trang bị cho người học kiến thức và các kỹ năng kiểm soát quá trình tâm lý và chuyển đổi cá nhân khi tham gia thực hiện thay đổi theo yêu cầu của tổ chức.

## 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước: .....
- Học phần tiên quyết: .....
- Các kiến thức, kỹ năng khác: .....

## 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

### A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành

#### A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh

- — Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- — Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.

- — Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- — Khả năng ứng dụng kiến thức để phản biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- — Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

## ***B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân***

### ***B.1. Kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phản biện và giải quyết vấn đề***

- — Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh
- — Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp
- — Có khả năng tổ chức thực hiện các phương án, dự án trong kinh doanh.
- — Có khả năng quản lý kế hoạch hoạt động, công việc cụ thể trong kinh doanh

### ***B.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh***

- — Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh.
- — Có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh
- — Có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh
- — Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh

### ***B.3. Tư duy có hệ thống***

- — Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- — Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- — Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- — Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị



*B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp*

- — Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm
- — Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh
- — Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- — Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

*D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp**D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp*

- — Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- — Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- — Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- — Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- — Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

**5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức đầy đủ về: Cơ sở lý thuyết của quản trị sự thay đổi, Các loại kỹ thuật thay đổi (change techniques), Tác động của sự thay đổi đến các thành viên của tổ chức, Hiểu và khắc phục việc chống đối sự thay đổi.

Sau khi kết thúc môn học, học viên có thể tự mình tìm ra các kiến giải:

- (a) Hiểu rõ khái niệm sự thay đổi trong tổ chức, quản trị sự thay đổi, và tầm quan trọng của quản trị sự thay đổi
- (b) Nắm được những phát triển gần đây trong lý thuyết và thực hành về sự thay đổi
- (c) Có khả năng đánh giá các mô hình và các lý thuyết liên quan đến văn hóa và sự thay đổi văn hóa
- (d) Nắm vững các phương pháp lãnh đạo sự thay đổi và các chiến lược khắc phục việc chống đối sự thay đổi..

## 6. PHÂN BỐ THỜI GIAN

Buổi	Chủ đề chính	Số tiết	Ghi chú
1.	<b>Chương 1: Tổng quan về sự thay đổi:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay đổi là gì?</li> <li>- Bản chất của sự thay đổi</li> <li>- Quan hệ giữa sự thay đổi, con người và tổ chức</li> <li>- Sự thay đổi tổ chức:</li> <li>- Khái niệm</li> <li>- Các yếu tố tác động đến việc tổ chức tiến hành thay đổi</li> <li>- Các kiểu thay đổi tổ chức</li> </ul>	4	
2.	<b>Chương 1: Tổng quan về sự thay đổi:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhu cầu thực hiện thay đổi của tổ chức:</li> <li>- Tác dụng của việc nhận biết nhu cầu</li> <li>- Mô hình "Cái bẫy của sự thành công"</li> <li>- Phương pháp nhận biết nhu cầu tiến hành sự thay đổi</li> </ul>	4	
3.	<b>Chương 2: Quản trị sự thay đổi tổ chức</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những vấn đề cơ bản về quản trị sự thay đổi tổ chức:</li> <li>- Khái niệm</li> <li>- Quan niệm của nhà quản trị về sự thay đổi tổ chức</li> <li>- Những đặc tính cần có để nhà quản trị thực hiện thành công thay đổi tổ chức</li> </ul>	4	
4.	<b>Chương 2: Quản trị sự thay đổi tổ chức</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp quản trị sự thay đổi:</li> <li>- Các mô hình quản trị sự thay đổi</li> <li>- Quy trình quản trị sự thay đổi tổ chức</li> <li>- Quản trị yếu tố con người:</li> <li>- Đối tượng quản trị</li> <li>- Tác động của sự thay đổi đến con người và cách thức quản trị con người trong quá trình thực hiện thay đổi của tổ chức</li> </ul>	4	
5.	<b>Chương 3: Quản trị sự chuyển đổi cá nhân</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái quát về sự chuyển đổi cá nhân</li> <li>- Con người và sự thay đổi</li> </ul>	4	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt khái niệm thay đổi và chuyển đổi</li> <li>- So sánh quá trình thay đổi tổ chức và chuyển đổi cá nhân</li> <li>- Những phản ứng tâm lý cá nhân trong quá trình chuyển đổi:</li> <li>- Mô hình chuyển biến tâm lý và việc ứng dụng vào thực tế</li> <li>- Kiểm soát bản thân trong quá trình chuyển đổi</li> </ul>		
6.	<p><b>Chương 3: Quản trị sự chuyển đổi cá nhân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp thích nghi với sự thay đổi:</li> <li>- Phương pháp dành cho bản thân người thực hiện chuyển đổi:</li> <li>- Phương pháp dành cho nhà quản trị</li> </ul>	3	
7.	<p><b>Chương 4: Lãnh đạo sự thay đổi tổ chức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung cơ bản về Lãnh đạo và Quản lý:</li> <li>- Khái niệm: Lãnh đạo và Quản lý</li> <li>- Phân biệt chức năng lãnh đạo và quản lý trong Quản trị sự thay đổi</li> <li>- Vai trò của các nhà quản trị trong quá trình thực hiện thay đổi tổ chức:</li> <li>- Các kiểu lãnh đạo sự thay đổi</li> <li>- Sự kết hợp của các kiểu lãnh đạo trong thực tế</li> </ul>	4	
8.	<p><b>Chương 4: Lãnh đạo sự thay đổi tổ chức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung lãnh đạo sự thay đổi:</li> <li>- Lãnh đạo thay đổi tổ chức</li> <li>- Lãnh đạo chuyển đổi cá nhân</li> <li>- Xây dựng năng lực và kỹ năng cho các nhà quản trị</li> </ul>	3	
9.	<p><b>Chương 4: Tạo động lực thay đổi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên nhân con người từ chối thay đổi:</li> <li>- Hợp đồng tâm lý</li> <li>- Tính vị kỷ</li> <li>- Khuynh hướng thiên về lợi ích</li> <li>- Hiềm lằm và thiếu niềm tin</li> <li>- Sự tự ti</li> <li>- Lo sợ những điều chưa biết</li> </ul>	4	

10.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chương 4: Tạo động lực thay đổi</b></li> <li>- Thuyết tạo động lực thực hiện thay đổi:</li> <li>- Thuyết kỳ vọng</li> <li>- Thuyết nhu cầu</li> <li>- Các phương pháp tạo động lực thay đổi:</li> <li>- Giáo dục và thuyết phục</li> <li>- Khuyến khích sự tham gia và liên quan</li> <li>- Tạo điều kiện và ủng hộ</li> <li>- Đàm phán và thỏa thuận</li> <li>- Giao tiếp và phân quyền</li> <li>- Sử dụng quyền lực</li> </ul>	4	
11.	- <b>Thuyết trình nhóm</b>	4	
12.	<b>Ôn tập</b>	3	
	<b>TỔNG</b>	<b>45</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- John Hayes (2014), The Theory and Practice of Change Management (2nd), Nhà xuất bản: Palgrave MacMillan – London
- W. Warner Burke (2014), Organization Change: Theory and Practice, Nhà xuất bản: SAGE
- Biên dịch: Trần Thị Bích Nga - Phạm Ngọc Sáu (2006), Quản lý sự thay đổi và chuyển tiếp, Nhà xuất bản Tổng hợp Tp. HCM
- Jack Trout and Steven Rivkin (2009) Khác biệt hay là chết, NXB Trẻ
- Slide do giảng viên cung cấp.

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

### ◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt

tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.

- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

◆ **Thi kết thúc học phần**

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

◆ **Tỷ trọng đánh giá**

<b>Phương pháp đánh giá</b>	<b>Trọng số</b>
Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%

# QUẢN TRỊ RỦI RO

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: QUẢN TRỊ RỦI RO
- Mã học phần: M151603020
- Bachelor: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần: Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- + Lý thuyết: 45
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 0
- Ban giảng viên
- + TS Nguyễn Văn Trãi
- + TS Phùng Văn Tiến

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học này vận dụng các kiến thức đã học từ nhiều môn học đã học ở bậc đại học để: nghiên cứu các khía cạnh khác nhau của rủi ro; nhận diện và phân tích ược các rủi ro trong môi trường làm việc sau này, làm chủ công việc và giúp người học thành công trong môi trường nhiều rủi ro và thay đổi.

## 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước: .....
- Học phần tiên quyết: .....
- Các kiến thức, kỹ năng khác: .....

## 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

### A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành

#### A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh

- — Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- — Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.

- — Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- — Khả năng ứng dụng kiến thức để phản biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- — Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

## ***B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân***

### ***B.1. Kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phản biện và giải quyết vấn đề***

- — Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh
- — Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp
- — Có khả năng tổ chức thực hiện các phương án, dự án trong kinh doanh.
- — Có khả năng quản lý kế hoạch hoạt động, công việc cụ thể trong kinh doanh

### ***B.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh***

- — Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh.
- — Có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh
- — Có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh
- — Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh

### ***B.3. Tư duy có hệ thống***

- — Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- — Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- — Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- — Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

#### *B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp*

- — Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm
- — Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh
- — Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- — Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

#### *D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp*

##### *D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp*

- — Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- — Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- — Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- — Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- — Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

## **5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

Kết thúc môn học này học viên sẽ nhận thức rõ ràng hơn về rủi ro, có được kiến thức và kỹ năng cần thiết để nhận dạng và phân tích các rủi ro cho doanh nghiệp. Học viên cũng được trang bị các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng để đánh giá rủi ro một cách cụ thể. Từ đó có thể xây dựng chương trình kiểm soát và tài trợ rủi ro cho doanh nghiệp. Trong quá trình học học viên cũng được cung cấp các cơ hội để hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng trình bày, kỹ năng đọc và phân tích tài liệu. Đây là các kỹ năng thiết thực giúp người học làm việc hiệu quả hơn.

Sau khi kết thúc môn học, học viên có thể tự mình tìm ra các kiến giải:

- (a) Lưu ý nhiều hơn các vấn đề có yếu tố rủi ro
- (b) Nhận biết và phân loại các rủi ro của đơn vị
- (c) Áp dụng một số kỹ thuật đánh giá rủi ro bằng phương pháp định tính và định lượng
- (d) Thiết kế chương trình kiểm soát và tài trợ cho rủi ro của đơn vị



(e) Phân tích một số rủi ro đặc thù và cách thức phòng chống

(f) Hoàn thiện các kỹ năng tự học, phân tích, truyền đạt, trình bày, đặt mục tiêu, sắp xếp ưu tiên, làm việc nhóm, quản lý thời gian.

## 6. PHÂN BỐ THỜI GIAN

Buổi	Chủ đề chính	Số tiết	Ghi chú
1.	<p><b>- CHƯƠNG 1: RỦI RO VÀ CƠ HỘI TRONG MÔI TRƯỜNG HIỆN TẠI</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm rủi ro</li> <li>- Các đặc điểm của rủi ro</li> <li>- Những thách thức và cơ hội trong nền kinh tế hiện nay</li> <li>- Các nguồn gây rủi ro</li> <li>- Một số lĩnh vực / ngành nghề nhiều cơ hội và rủi ro</li> </ul>	4	
2.	<p><b>- CHƯƠNG 2: RỦI RO TRONG MÔI TRƯỜNG KINH TẾ VĨ MÔ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rủi ro về chính trị, pháp lý</li> <li>- Rủi ro về xã hội, văn hóa</li> <li>- Rủi ro về kinh tế</li> </ul>	4	
3.	<p><b>- CHƯƠNG 2: RỦI RO TRONG MÔI TRƯỜNG KINH TẾ VĨ MÔ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rủi ro về thông tin</li> <li>- Rủi ro về công nghệ: sự cố, tai nạn, gián đoạn sản xuất kinh doanh, quyền sở hữu trí tuệ, lệ thuộc công nghệ, ô nhiễm môi trường,...</li> </ul>	4	
4.	<p><b>- CHƯƠNG 3: RỦI RO TRONG MÔI TRƯỜNG NGÀNH VÀ NỘI BỘ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rủi ro trong kinh doanh, cạnh tranh</li> <li>- Rủi ro tài chính: Thiếu / thừa vốn, mất khả năng thanh toán, các đối tượng và các yếu tố nhạy cảm gây thiệt hại về tài chính, rủi ro mất khả năng thanh toán,</li> </ul>	4	
5.	<p><b>- CHƯƠNG 3: RỦI RO TRONG MÔI TRƯỜNG NGÀNH VÀ NỘI BỘ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rủi ro tài chính: Chiết khấu rủi ro đầu tư, NPV, IRR trong thẩm định rủi ro dự án đầu tư quốc tế, công cụ giảm rủi ro tài chính.</li> </ul>	4	

	- Giải bài tập		
6.	- <b>CHƯƠNG 4: QUẢN TRỊ VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO</b> - Quản trị và các chức năng cơ bản của Quản trị - Định nghĩa / mục tiêu của QTRR - Các nhiệm vụ chức năng của QTRR - Các nguyên tắc QTRR	4	
7.	- <b>CHƯƠNG 5: QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO</b> - Quy trình: nhận dạng, đo lường, hoạch định, hành động / chuyển giao / tài trợ rủi ro	3	
8.	- <b>CHƯƠNG 5: QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO</b> - Các phương pháp đánh giá rủi ro: thống kê, chuyên gia, thử nghiệm	4	
9.	- <b>CHƯƠNG 6: RỦI RO TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ</b> - An toàn và bảo mật trong thương mại điện tử - Cơ sở pháp lý trong thương mại điện tử	4	
10.	- <b>CHƯƠNG 6: RỦI RO TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ</b> - Các rủi ro thanh toán trong thương mại điện tử	4	
11.	- <b>Thuyết trình nhóm</b>	3	
12.	<b>Ôn tập</b>	3	
	<b>TỔNG</b>	<b>45</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- Ngô Thị Ngọc Huyền , Nguyễn Thị Hồng Thu , Lê Tấn Bửu , Bùi Thanh Tráng (2014), Rủi ro trong kinh doanh, NXB Thống Kê, .
- Đoàn Thị Hồng Vân , Kim Ngọc Đạt , Hà Đức Sơn (2013), Quản trị rủi ro và khủng hoảng, NXB Lao động – Xã hội.
- Slide do giảng viên cung cấp.

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

### ◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.
- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

### ◆ Thi kết thúc học phần

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

### ◆ Tỷ trọng đánh giá

Phương pháp đánh giá	Trọng số
Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%



# QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG
- Mã học phần: M151603021
- Bachelor: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần: Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- + Lý thuyết: 45
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 0
- Ban giảng viên
- + TS Đinh Bá Hùng Anh
- + TS Mai Thanh Loan

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Quản trị chất lượng đã trở thành một hoạt động không thể thiếu đối với sự phát triển của các tổ chức thông qua việc tập trung vào hiệu quả của hệ thống quản lý và sự thỏa mãn của khách hàng. Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức căn bản về quản trị chất lượng và vai trò của nó đối với sự phát triển bền vững của các tổ chức. Học viên có cơ hội tiếp cận các cách thức quản trị chất lượng hiệu quả tại các doanh nghiệp Việt Nam và các quốc gia khác trên thế giới. Thông qua khóa học, học viên có nhiều cơ hội để thảo luận, nhận dạng những vấn đề về quản trị chất lượng tại tổ chức của mình, được chia sẻ những kiến thức và kinh nghiệm về quản trị chất lượng, từ đó giúp học viên có khả năng vận dụng các kiến thức của môn học để giải quyết các vấn đề quản trị chất lượng cũng như định hướng triển khai hệ thống quản lý chất lượng thích hợp tại tổ chức mình.

## 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước: .....
- Học phần tiên quyết: .....
- Các kiến thức, kỹ năng khác: .....

## 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

### A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành

#### A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh

- — Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- — Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.
- — Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- — Khả năng ứng dụng kiến thức để phân biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- — Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

### B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân

#### B.1. Kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phản biện và giải quyết vấn đề

- — Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh
- — Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp
- — Có khả năng tổ chức thực hiện các phương án, dự án trong kinh doanh.
- — Có khả năng quản lý kế hoạch hoạt động, công việc cụ thể trong kinh doanh

#### B.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh

- — Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh.
- — Có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh
- — Có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh
- — Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh

### *B.3. Tư duy có hệ thống*

- — Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- — Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- — Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- — Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

### *B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp*

- — Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm
- — Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh
- — Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- — Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

## ***D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp***

### *D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp*

- — Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- — Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- — Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- — Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- — Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

## **5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

Kết thúc môn học học viên có thể hiểu rõ những nội dung cơ bản liên quan đến hoạt động quản trị chất lượng và hệ thống quản trị chất lượng trong tổ chức; đồng thời học viên cũng sẽ biết đến các phương pháp hỗ trợ hệ thống quản trị chất lượng hiện nay.

Sau khi kết thúc môn học, học viên có thể tự mình tìm ra các kiến giải:

- (a) Nhận thức đúng các vấn đề cơ bản về quản lý chất lượng cũng như tác động của nó đối với sự thành công của các tổ chức.
- (b) Nhận biết và sử dụng được một số kỹ thuật để kiểm soát và cải tiến chất lượng sản phẩm/ dịch vụ, chất lượng quá trình, chất lượng hệ thống quản lý.
- (c) Lựa chọn và lập được kế hoạch triển khai một hệ thống quản lý chất lượng thích hợp cho tổ chức mà học viên đang công tác.
- (d) Có năng lực làm việc theo nhóm một cách hiệu quả, năng lực trình bày và phản biện bằng lời nói, năng lực chuẩn bị và trình bày một bài viết về các chủ đề liên quan đến quản trị chất lượng.

## 6. PHÂN BỐ THỜI GIAN

Buổi	Chủ đề chính	Số tiết	Ghi chú
1.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ CHẤT LƯỢNG</b></li> <li>- Giới thiệu tổng quan về chất lượng</li> <li>- Đặc tính của chất lượng</li> <li>- Vai trò của chất lượng</li> <li>- Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng</li> <li>- Tìm hiểu về chi phí chất lượng (Quản điểm truyền thống và hiện đại)</li> </ul>	4	
2.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>CHƯƠNG 2: QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG</b></li> <li>- Quá trình phát triển của quản trị chất lượng (QTCL)</li> <li>- Những bài học kinh nghiệm của quản trị chất lượng</li> <li>- Các phương thức quản trị chất lượng</li> </ul>	4	
3.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>CHƯƠNG 3: HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG</b></li> <li>- Hệ thống quản trị chất lượng</li> <li>- Khái niệm Các nguyên tắc của HTQTCL</li> <li>- Các hoạt động của HTQTCL</li> <li>- Các đặc điểm của HTQTCL</li> <li>- Hệ thống quản trị chất lượng dựa trên việc đáp ứng tiêu chí của giải thưởng chất lượng</li> </ul>	4	
4.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>CHƯƠNG 4: HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN ISO 9000</b></li> </ul>	4	



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức ISO</li> <li>- Giới thiệu về tiêu chuẩn ISO 9000</li> <li>- Các yêu cầu của HTQTCL theo tiêu chuẩn ISO 9000</li> <li>- Các bước áp dụng ISO 9001:2008 vào một tổ chức</li> <li>- Nhưng lợi ích hay khó khăn khi xây dựng, áp dụng và duy trì ISO 9001:2008</li> </ul>		
5.	<p><b>- CHƯƠNG 5: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐỒNG BỘ - TQM</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm về TQM</li> <li>- Các đặc trưng của TQM</li> <li>- Thực hiện TQM trong tổ chức</li> </ul>	4	
6.	<p><b>- CHƯƠNG 6: CÁC CÔNG CỤ THỐNG KÊ TRONG KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vai trò của kiểm soát quá trình bằng thống kê</li> <li>- 7 công cụ thống kê cơ bản trong kiểm soát quá trình</li> </ul>	4	
7.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài tập (cá nhân/nhóm): Sử dụng các công cụ thống kê trong kiểm soát chất lượng.</li> <li>- Tiểu luận: Áp dụng một kỹ thuật quản lý chất lượng trong một tổ chức.</li> </ul>	3	
8.	<p><b>- CHƯƠNG 7: ĐẢM BẢO VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhóm chất lượng</li> <li>- Chương trình 5S</li> <li>- Kaizen</li> <li>- Benchmarking</li> <li>- Phương pháp Sig sixma</li> </ul>	4	
9.	<p><b>- CHƯƠNG 8: ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu hoạt động đánh giá chất lượng</li> <li>- Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng</li> <li>- Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng</li> </ul>	4	
10.	<p><b>- CHƯƠNG 9: QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu về dịch vụ</li> <li>- Chất lượng/Quản trị chất lượng dịch vụ</li> </ul>	4	

	- Tiêu chí đánh giá và đo lường chất lượng dịch vụ		
11.	- Bài tập (nhóm): Thiết lập tài liệu hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9000 - Thảo luận: Các tình huống liên quan đến nhận thức về hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000. - Tiểu luận: Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn tại một tổ chức.	3	
12.	<b>Ôn tập</b>	3	
	<b>TỔNG</b>	<b>45</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- Nguyễn Đình Phan & Đặng Ngọc Sự (2015), Quản trị chất lượng, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.
- Bộ Khoa học và Công nghệ (2007), TCVN ISO 9000:2007\_ Hệ thống quản lý chất lượng – Cơ sở và từ vựng.
- Bộ Khoa học và Công nghệ (2008), TCVN ISO 9001:2008\_ Hệ thống quản lý chất lượng – Các yêu cầu.
- BÙI NGUYỄN HÙNG, NGUYỄN THÚY QUỲNH LOAN (2004), Quản lý chất lượng, NXB Đại học Quốc gia TP HCM.
- Jeffrey K. LIKER (2006), Phương thức Toyota, NXB Tri thức.
- NGUYỄN MINH ĐÌNH, NGUYỄN TRUNG TÍN, PHẠM PHƯƠNG HOA (1996), Quản lý có hiệu quả theo phương pháp Deming, NXB Thống kê, TP. HCM.
- Phan Chí An và các tác giả (2002), 6 sigma – Phương pháp tiếp cận mới về quản lý, NXB khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
- PHÓ ĐỨC TRÙ, PHẠM HỒNG (2002), ISO 9000:2000, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- Stephen GEORGE, Arnold WEIMERSKIRCH (2009), MBA trong tầm tay – Quản lý chất lượng toàn diện, NXB Tổng hợp TP HCM.
- TẠ THỊ KIỀU AN và các tác giả (2010), Quản lý chất lượng, NXB Thống kê, TP. HCM.
- Ashok RAO, Lawrence P.CARR, Ismael DAMBOLENA, Robert J. KOPP, John MARTIN, Farshad RAFII, Phyllis Fineman

SCHLESINGER (1996), Total Quality Management: A Cross Functional Perspective, John Wiley & Sons, Inc.

- George ECKES (2003), Six sigma for everyone, John Wiley & Sons, Inc.
- Peter S. PANDE, Robert P. NEUMAN, Roland R. CAVANAGH (2000), The six sigma way, McGraw-Hill.
- 7. Phương pháp đánh giá học phần
- Hoàng Mạnh Dũng (2015), Quản trị chất lượng, Đại học Mở TpHCM .
- Slide do giảng viên cung cấp.

## **8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ**

### **◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)**

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.
- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

### **◆ Thi kết thúc học phần**

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

## ◆ Tỷ trọng đánh giá

<b>Phương pháp đánh giá</b>	<b>Trọng số</b>
Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%

# QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU
- Mã học phần: M151603022
- Bachelor: Cao học
- Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh
- Khoa chuyên môn phụ trách học phần: Quản trị kinh doanh
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- + Lý thuyết: 45
- + Bài tập, thảo luận, thực hành: 0
- Ban giảng viên
- + TS Lê Việt Long
- + TS Nguyễn Hoàng Tiến

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần quản trị thương hiệu trình bày toàn diện quy trình từ khi hoạch định, đến tổ chức, điều khiển, kiểm soát các chiến lược và kế hoạch xây dựng thương hiệu.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về những vấn đề chính của thương hiệu và quản trị thương hiệu, bao gồm quan điểm về một số vấn đề cơ bản của thương hiệu, xây dựng thương hiệu mạnh và các công cụ quảng bá thương hiệu. Trình bày những vấn đề về quản trị quá trình xây dựng thương hiệu như chức năng quản trị thương hiệu, nhiệm vụ của một quản trị viên thương hiệu, các hoạt động quản trị phát triển thương hiệu, vai trò của quản trị thương hiệu với khách hàng, công ty và cộng đồng.

## 3. KIẾN THỨC YÊU CẦU

- Học phần trước: Quản trị Marketing
- Học phần tiên quyết: .....
- Các kiến thức, kỹ năng khác: .....

## 4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

### A. Kiến thức cơ bản và lập luận ngành

#### A.3. Kiến thức cơ bản chuyên ngành quản trị kinh doanh

- — Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức
- — Có kiến thức cơ bản về quản trị, cạnh tranh, sản xuất, đầu tư, phân phối và khách hàng.
- — Có kiến thức luật pháp trong kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- — Khả năng ứng dụng kiến thức để phân biện và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- — Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh

### B. Kỹ năng chuyên môn, tố chất cá nhân

#### B.1. Kỹ năng phân tích, thực nghiệm, phản biện và giải quyết vấn đề

- — Có khả năng nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh
- — Có khả năng đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp
- — Có khả năng tổ chức thực hiện các phương án, dự án trong kinh doanh.
- — Có khả năng quản lý kế hoạch hoạt động, công việc cụ thể trong kinh doanh

#### B.2. Kỹ năng lập kế hoạch và tư vấn chính sách kinh doanh

- — Có khả năng hình thành ý tưởng, lập kế hoạch tổ chức các hoạt động kinh doanh.
- — Có khả năng đánh giá các phương án, dự án, chính sách về kinh doanh
- — Có khả năng soạn thảo và đàm phán hợp đồng trong kinh doanh
- — Có khả năng nghiên cứu, khám phá kiến thức đặc biệt là các vấn đề kinh doanh

### *B.3. Tư duy có hệ thống*

- — Có khả năng tư duy hệ thống khi tiếp cận các vấn đề cuộc sống, nghề nghiệp
- — Có khả năng sắp xếp những vấn đề phát sinh và khả năng tương tác trong hệ thống
- — Có khả năng sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm trong giải quyết vấn đề
- — Có khả năng phân tích ma trận và chọn giải pháp hợp lý trong quản trị

### *B.4. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp*

- — Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm
- — Có thái độ hành xử công việc chuyên nghiệp và giải quyết vấn đề phát sinh
- — Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
- — Có khả năng cập nhật thông tin thị trường và nắm bắt cơ hội kinh doanh

### *C. Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm*

### *D. Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp*

#### *D.2. Đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh kinh doanh và doanh nghiệp*

- — Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức
- — Có khả năng quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức
- — Có khả năng thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa
- — Có khả năng quản trị những rủi ro trong kinh doanh
- — Có khả năng quản trị sự thay đổi trong kinh doanh

## **5. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN**

Sau khi kết thúc môn học, học viên có thể tự mình tìm ra các kiến giải:

- (a) Nắm bắt tổng quát những kiến thức chính về thương hiệu và quản trị thương hiệu.
- (b) Hiểu biết về quy trình hoạch định và nội dung của một số chiến lược và kế hoạch xây dựng thương hiệu tại một số công ty.

(c) Thấu hiểu các vấn đề liên quan đến quá trình tổ chức và điều khiển thực hiện các chiến lược, kế hoạch xây dựng thương hiệu.

(d) Tìm hiểu về việc kiểm soát, đánh giá hiệu quả và xây dựng các biện pháp cải tiến quá trình quản trị thương hiệu, kể cả một số định hướng nâng cao hiệu quả xây dựng thương hiệu.

## 6. PHÂN BỐ THỜI GIAN

Buổi	Chủ đề chính	Số tiết	Ghi chú
1.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chương 1. THƯƠNG HIỆU VÀ XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU</b></li> <li>- Một số vấn đề cơ bản về thương hiệu</li> <li>- Quy trình xây dựng thương hiệu.</li> <li>- Công cụ quảng bá xây dựng thương hiệu.</li> </ul>	4	
2.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chương 2. QUẢN TRỊ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU</b></li> <li>- Quan điểm và chức năng</li> <li>- Hoạt động quản trị xây dựng thương hiệu</li> </ul>	4	
3.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chương 3. VAI TRÒ CỦA QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU</b></li> <li>- Đối với khách hàng.</li> <li>- Đối với doanh nghiệp</li> <li>- Đối với cộng đồng.</li> </ul>	4	
4.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chương 4. CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU</b></li> <li>- Phân tích môi trường</li> <li>- Chiến lược xây dựng thương hiệu</li> </ul>	4	
5.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chương 5. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU</b></li> <li>- Phân tích môi trường.</li> <li>- Kế hoạch xây dựng thương hiệu</li> </ul>	4	
6.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chương 6. TỔ CHỨC XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU</b></li> <li>- Tổ chức nhân sự.</li> <li>- Điều hành triển khai xây dựng thương hiệu.</li> </ul>	4	



7.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chương 7. TỔ CHỨC XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU</b></li> <li>- Kiểm soát xây dựng thương hiệu</li> <li>- Đánh giá và cải tiến hiệu quả.</li> </ul>	3	
8.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chương 8. ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU</b></li> <li>- Quan điểm và mục đích.</li> <li>- Xây dựng thương hiệu có cơ sở khoa học và thực tiễn.</li> <li>- Trách nhiệm đối với phát triển cộng đồng.</li> </ul>	4	
9.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chương 9: Hệ thống nhận diện thương hiệu</b></li> <li>- Các thành phần cơ bản của hệ thống nhận diện thương hiệu</li> <li>- Đặt tên thương hiệu</li> <li>- Thiết kế biểu tượng và khẩu hiệu (logo &amp; slogan)</li> <li>- Thiết kế nhãn mác, bao bì và kiểu dáng</li> <li>- Những điều cần lưu ý khi thiết lập các thành phần khác trong hệ thống nhận diện thương hiệu</li> </ul>	4	
10.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chương 10: Khai thác giá trị thương hiệu</b></li> <li>- Khái niệm giá trị thương hiệu</li> <li>- Các phương pháp định giá giá trị thương hiệu</li> <li>- Các hình thức khai thác thương hiệu</li> </ul>	4	
11.	- <b>Thuyết trình nhóm</b>	3	
12.	<b>Ôn tập</b>	3	
	<b>TỔNG</b>	<b>45</b>	

## 7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### ◆ Tài liệu chính

- Bùi Văn Quang (2015), Quản trị thương hiệu lý thuyết và thực tiễn- NXB Lao động Xã hội
- Trần Kim Dung (2013), Xác định giá trị công việc và thiết lập bảng lương doanh nghiệp, NXB Tổng hợp Tp. HCM.
- Kapferer Jean-Noel (2012), The new strategic brand management: Advanced insights and strategic thinking-London, U.K : Kogan
- Phạm Thị Lan Hương (2014), Quản trị thương hiệu, NXB Hà Nội

- Slide do giảng viên cung cấp.

## 8. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

### ◆ Điểm quá trình (chuyên cần và đánh giá giữa kỳ)

- Tham gia tích cực trên lớp: Tiêu chí đánh giá dựa trên một số yếu tố như tham dự đầy đủ các buổi học, có ý kiến đóng góp trong hoạt động thảo luận tình huống từng chương. Điểm của bộ phận này đánh giá theo cá nhân.
- Thảo luận tình huống từng chương: Mỗi nhóm chọn 1 trong nhiều tình huống có liên quan đến chương trình môn học. Thực hiện tóm tắt tình huống, chỉ ra những điểm mấu chốt quan trọng trong tình huống, trả lời những câu hỏi/hoặc khái quát quá những kết luận từ tình huống này trong thực tiễn kinh doanh.
- Viết tiểu luận và trình bày tiểu luận: Mỗi nhóm chọn một trong nhiều đề tài tiểu luận được giảng viên đưa ra ngay từ buổi học đầu tiên, sau đó cùng làm việc nhóm để chuẩn bị slide trình bày các nội dung có liên quan đến câu hỏi làm tiểu luận. Theo lịch trình định sẵn, các nhóm trình bày tiểu luận và lắng nghe ý kiến đóng góp, phản biện từ các nhóm khác.
- Kiểm tra giữa học phần: học viên sẽ được yêu cầu thực hiện làm bài kiểm tra giữa học phần và nộp lại cho giảng viên ngay tại lớp.

### ◆ Thi kết thúc học phần

- Học viên làm bài thi theo lịch thi của Trường.
- Hình thức thi: Vấn đáp/tự luận/tiểu luận.

### ◆ Tỷ trọng đánh giá

Phương pháp đánh giá	Trọng số
Chuyên cần, tham gia tại lớp	10%
Bài tiểu luận / Kiểm tra giữa kỳ	30%
Thi kết thúc học phần	60%
Tổng cộng	100%